

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 04 năm 2015 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 72.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 9 năm 2015)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP ĐIỆN I

Trụ sở: Tòa nhà CT2, số 583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3845.6329 Fax: (84-4) 3823.1997

Website: <http://www.pcc1.vn/>

2. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936.6321 Fax: (84-4) 3936.6318

Website: <http://www.ssi.com.vn>

từ ngày: 22/09/2015

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Trịnh Văn Tuấn Số điện thoại: (84-4) 3845.6329



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 04 năm 2015 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây Lắp Điện I
Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
Giá bán: 20.000 đồng/ cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng và phát hành trả cổ tức:
14.069.697 cổ phiếu (*Bằng chữ: Mười bốn triệu không trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi bảy cổ phiếu*)

Trong đó:

➤ **Chào bán cổ phiếu ra công chúng:**

Số lượng cổ phiếu chào bán: 10.049.784 cổ phiếu

Giá bán: 20.000 đồng/ cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán (theo giá bán 20.000 đồng/ cổ phiếu): 200.995.680.000 đồng

➤ **Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014:**

Số lượng cổ phiếu phát hành: 4.019.913 cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phần chào bán ra công chúng và phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu: 14.069.697 cổ phần

Tổng giá trị chào bán và phát hành theo mệnh giá: 140.696.970.000 đồng

❖ **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: +84 4 3824 1990

Fax: +84 4 3825 3973

❖ **TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 39366321

Fax: +84 4 39366311

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
2. Rủi ro tài chính	9
3. Rủi ro về luật pháp	10
4. Rủi ro thị trường	10
5. Rủi ro đặc thù	10
5.1. Ngành xây lắp điện và sản xuất công nghiệp.....	10
5.2. Ngành đầu tư thủy điện	11
5.3. Ngành đầu tư và kinh doanh bất động sản	12
6. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	12
7. Rủi ro pha loãng	13
7.1. Pha loãng giá cổ phiếu	13
7.2. Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu	13
7.3. Pha loãng tỷ lệ sở hữu	14
8. Rủi ro khác	14
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	15
1. Tổ chức phát hành:	15
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành:	15
3. Tổ chức tư vấn:	15
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	17
1. Thông tin chung về tổ chức phát hành	17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	19
3. Cơ cấu tổ chức của công ty	21
4. Cơ cấu bộ máy quản lý	24
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại	28
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	29
6.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành	29
6.2. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	29
6.3. Danh sách các công ty con	29
6.4. Những công ty khác mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối	31
7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty	31
8. Hoạt động kinh doanh	32
8.1. Lĩnh vực kinh doanh	32
8.2. Địa bàn hoạt động kinh doanh.....	38

8.3.	Sản lượng sản phẩm/ Giá trị dịch vụ qua các năm	38
8.4.	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh	40
8.5.	Kỹ thuật công nghệ.....	44
8.6.	Hoạt động marketing	45
8.7.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	45
8.8.	Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	45
9.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lý kế đến quý gần nhất	47
9.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lý kế đến quý gần nhất.....	47
9.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:.....	49
10.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	50
10.1.	Vị thế của công ty trong ngành.....	50
10.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	51
10.3.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	51
11.	Chính sách đối với người lao động.....	52
12.	Chính sách cổ tức	52
13.	Tình hình tài chính.....	53
13.1.	Chỉ tiêu cơ bản về tài sản và nguồn vốn	53
13.2.	Chính sách tài chính khác	56
13.3.	Tổng dư nợ vay	57
13.4.	Tình hình công nợ hiện nay.....	58
14.	Các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động.....	59
15.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	60
15.1.	Hội đồng quản trị	60
15.2.	Ban giám đốc.....	66
15.3.	Ban kiểm soát.....	68
15.4.	Kế toán trưởng:	71
16.	Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty	72
17.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	74
17.1.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	74
17.2.	Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên	74
17.3.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	77
18.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	78
19.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	78
20.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán	78
V.	CỔ PHIẾU CHÀO BÁN VÀ PHÁT HÀNH	79
1.	Loại cổ phiếu:	79
2.	Mệnh giá:.....	79

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành:.....	79
4. Phương pháp tính giá:	79
5. Phương thức phân phối:	80
6. Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu	80
7. Thời gian phân phối cổ phiếu:.....	80
8. Đăng ký mua cổ phiếu	80
9. Chuyển giao cổ phần:	80
10. Quyền lợi người mua cổ phiếu:	80
11. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:	81
12. Phương thức thực hiện quyền	81
13. Phương án xử lý số cổ phiếu chưa bán hết và cổ phiếu lẻ:	81
14. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	81
15. Các loại thuế có liên quan	81
15.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp:.....	81
15.2. Thuế giá trị gia tăng:	82
15.3. Thuế môn bài:.....	82
15.4. Thuế chuyển nhượng chứng khoán:	82
16. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu:.....	82
17. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	82
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	83
1. Mục đích chào bán:	83
2. Phương án khả thi.....	83
2.1. Mục đích dự án:.....	83
2.2. Cơ sở:	83
2.3. Kế hoạch triển khai.....	83
2.4. Tiến độ triển khai và các đối tác thực hiện:	84
2.5. Kế hoạch tài chính	85
2.6. Dự kiến hiệu quả hoạt động	85
2.7. Các ưu đãi đối với dự án:.....	86
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	86
1. Kế hoạch đầu tư.....	86
2. Tiến độ sử dụng vốn	87
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	88
1. Tổ chức kiểm toán:	88
2. Tổ chức tư vấn:	88
IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	89
X. PHỤ LỤC	90

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu.....	13
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty đến thời điểm 22/07/2015 và người có liên quan	28
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/07/2015	28
Bảng 4: Danh sách các công ty con tại ngày 15/08/2015.....	29
Bảng 5: Quá trình tăng vốn của Công ty.....	31
Bảng 6: Doanh thu theo từ lĩnh vực hoạt động qua các năm	38
Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo các mảng kinh doanh	40
Bảng 8: Cơ cấu chi phí theo loại chi phí	41
Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	42
Bảng 10: Các công trình đã thực hiện	45
Bảng 11: Các công trình đang thực hiện	46
Bảng 12: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ từ năm 2013 - nay.....	47
Bảng 13: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất từ năm 2013 - nay	48
Bảng 14: Phân loại lao động theo trình độ.....	52
Bảng 15: Tỷ lệ cổ tức qua các năm	52
Bảng 16: Cơ cấu nguồn vốn kinh doanh	53
Bảng 17: Tình hình vốn chủ sở hữu	54
Bảng 18: Tình hình tài sản của Công ty 2 năm gần nhất	55
Bảng 19: Các khoản phải nộp theo luật định	56
Bảng 20: Trích lập các quỹ theo luật định.....	57
Bảng 21: Vay và nợ ngắn hạn	57
Bảng 22: Các khoản nợ phải thu	58
Bảng 23: Các khoản nợ phải trả	58
Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	59
Bảng 25: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị.....	60
Bảng 26: Danh sách thành viên ban giám đốc	66
Bảng 27: Danh sách thành viên ban kiểm soát	68
Bảng 28: Danh sách tài sản công ty tại thời điểm 31/12/2014	72
Bảng 29: Danh sách đất đai công ty đang quản lý, sử dụng (số liệu cập nhật đến ngày 30/11/2013)	73
Bảng 30: Kế hoạch doanh thu lợi nhuận Công ty hợp nhất năm 2015-2016	74
Bảng 32: Kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh	76
Bảng 33: Dự báo kết quả sản xuất kinh doanh của Nhà máy	86
Bảng 34: Chi tiết các hạng mục đầu tư của dự án	86
Bảng 35: Chi tiết tiến độ sử dụng vốn và nguồn vốn.....	87

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty tháng 8 năm 2015	21
Hình 2 :Sơ đồ tổ chức công ty con, đơn vị trực thuộc tham gia sản xuất kinh doanh tại ngày 15/08/2015	23
Hình 4: Tuyến đường dây 110kV đảo Cô tô chạy dọc theo chân núi.....	33
Hình 5: Cột thép đơn thân 220 kV	35
Hình 6: Dự án bất động sản gần đây	37
Hình 7 : Khinh khí cầu mang theo dây mồi chuẩn bị bay vượt sông.....	44
Hình 8: Phối cảnh Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1	84
Hình 9: Tiến độ xây dựng quý I năm 2015.....	85

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển và rủi ro của nền kinh tế thông thường được đánh giá thông qua các yếu tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Khi nền kinh tế đang trong chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát chặt chẽ, sức cầu tăng mạnh tạo động lực thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi nền kinh tế bước vào giai đoạn suy thoái, các yếu tố bất lợi xảy ra như lãi suất và lạm phát tăng cao, tỷ giá hối đoái có nhiều biến động, tăng trưởng GDP chững lại, nhu cầu tiêu dùng có xu hướng giảm mạnh sẽ tạo lực cản đến sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

❖ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu do Tổng Cục Thống kê công bố, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2014 đạt 5,98%, vượt kế hoạch chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% mà Quốc hội đã đưa ra. Mức tăng trưởng năm 2014 cao hơn mức tăng trưởng 5,25% của năm 2012 và 5,42% của năm 2013 cho thấy dấu hiệu tích cực của nền kinh tế mặc dù bối cảnh chính trị có nhiều bất ổn khi Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép HD 981 trong vùng đặc quyền kinh tế lãnh thổ Việt Nam.

Sự hồi phục của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2014 là cơ sở quan trọng để các chuyên gia kinh tế thống nhất quan điểm và đặt ra mục tiêu tăng trưởng 6,0 - 6,2% trong năm 2015. Trong năm 2015, Việt Nam sẽ sớm thực hiện các cam kết theo các Hiệp định mới ký kết gồm: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc, Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Hải quan Nga-Belarus-Kazakhstan. Đồng thời, tiếp tục đàm phán Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU, Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN, qua đó tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP năm 2015. Việc thực thi các hiệp định thương mại trong thời gian tới sẽ tạo điều kiện phát triển thuận lợi, và bên cạnh đó là không ít thách thức cho các doanh nghiệp trong nước.

❖ Tình hình lạm phát

Giai đoạn 2004-2011, lạm phát của nước ta có xu hướng gia tăng, lúc đỉnh điểm đã lên mức 2 con số. Trước tình hình đó, nhà nước đã có những chính sách vĩ mô kiềm chế lạm phát, nên trong cả năm 2012 và 2013, tỷ lệ lạm phát được ổn định dưới mức 7%. CPI bình quân năm 2014 tăng 4,09% so với năm 2013. Đây là lần đầu tiên trong vòng 10 năm qua, lạm phát tăng thấp hơn tăng trưởng kinh tế. Nguyên nhân dẫn đến mức lạm phát thấp trong năm 2014 không chỉ là từ những chính sách tiền tệ và tài khoá của nhà nước mà còn do tiêu dùng thấp, sức cầu còn yếu, giá xăng dầu sụt giảm liên tục,... Lạm phát Việt Nam năm 2015 được dự báo ở mức 5% theo Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF).

❖ Tỷ giá

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12 năm 2014 tăng 1,03% so với cùng kỳ năm 2013. Năm 2014, kinh tế vĩ mô ổn định, cán cân thanh toán thặng dư 10 tỉ USD, cán cân thương mại tích cực là những lý do chính hỗ trợ bình ổn tỷ giá. Ngân hàng Nhà nước đưa ra dự báo tỉ giá sẽ biến động với biên độ 2%

trong năm 2015. Một số yếu tố có thể ảnh hưởng đến các cân đối cung – cầu ngoại tệ trong năm 2015 là sự giảm giá nhanh và sâu của giá dầu trên thị trường, ảnh hưởng nhất định đến nguồn thu ngoại tệ của ngân sách; cơ hội xuất khẩu tăng mạnh với các thỏa thuận thương mại sắp kí kết; nguồn vốn đầu tư nước ngoài có thể tiếp tục hỗ trợ ổn định tỷ giá,...

❖ **Lãi suất**

Lãi suất cho vay thương mại đã liên tục giảm trong những năm vừa qua. Theo số liệu thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2015, mặt bằng lãi suất đã giảm khoảng 0,3%/năm so với cuối năm 2014, các ngân hàng đạt mức tăng trưởng tín dụng 6,28%. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến khoảng 7% -9%/ năm đối với ngắn hạn, lãi suất trung và dài hạn phổ biến khoảng 8% -10%/ năm, lãi suất ưu đãi với một số dự án đặc thù và của những doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh có thể giảm xuống đến 5% hoặc 6%/ năm. Tuy nhiên, xử lý vấn đề nợ xấu vẫn đang là nỗi lo lớn của hệ thống ngân hàng do chưa hoàn thiện hệ thống pháp lý để các ngân hàng, VAMC bán đấu giá, thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Vì vậy, Nhà nước đang có biện pháp kiểm soát chặt chẽ lãi suất, ưu tiên phát triển hoạt động sản xuất công nghiệp, thúc đẩy tiêu dùng, giảm lượng hàng tồn kho và tăng trưởng tín dụng, giải quyết nợ xấu, tạo cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn gặp nhiều khó khăn khi thị trường bất động sản vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi rõ nét, tốc độ giải ngân gói hỗ trợ lãi suất 30.000 tỷ còn hạn chế. Nhìn chung, diễn biến hiện tại của các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế tiềm ẩn tính cạnh tranh cao, nhưng có khả năng mang lại nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

2. Rủi ro tài chính

❖ **Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do những biến động của lãi suất thị trường ảnh hưởng đến các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi.

Tính đến 31/12/2014, tổng vay và nợ của Công ty hợp nhất là 189,6 tỷ VNĐ, chiếm khoảng 9,13% tổng nguồn vốn. Như vậy, với quy mô khoản này này, nếu mức lãi suất Công ty tăng 1%/năm, chi phí lãi vay dự kiến tăng tương đương 1,9 tỷ đồng/ năm, không đáng kể so với quy mô lợi nhuận hiện nay của doanh nghiệp (tương ứng xấp xỉ 0,5% lợi nhuận trước thuế). Mặt khác, lãi suất thị trường đang ở mức hợp lý, thuận lợi cho việc vay vốn của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi Công ty tận dụng nhiều hơn nguồn vốn vay thương mại để triển khai các dự án trong tương lai, biến động lãi suất có thể ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và kết quả lợi nhuận trong tương lai .

❖ **Rủi ro tín dụng**

Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và đầu tư khác). Tại ngày 31/12/2014, tổng các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác là 373,5 tỷ VNĐ trong kì hạn 1 năm trở xuống. Nhờ chính sách quyết toán chặt chẽ và chú trọng công tác thu hồi công nợ, Công ty đã giảm thiểu đáng kể rủi ro không thu hồi các khoản phải thu trong khi tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận đều đặn. Tiền và các khoản tương đương tiền là 414,9 tỷ VNĐ, cũng trong kì hạn 1 năm trở xuống, có rủi ro tín dụng thấp.

❖ **Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty cũng chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam. Trong các năm gần đây, Công ty chỉ có 1 công ty con là Công ty TNHH Hyundai Đông Anh có hoạt động xuất khẩu đối với sản phẩm công nghiệp. Trong giai đoạn đầu tư sắp tới, hoạt động đầu tư thủy điện sẽ yêu cầu nhập khẩu giá trị thiết bị lớn, sự thay đổi tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến giá trị đầu tư đối với các gói máy móc thiết bị, tác động đến hiệu quả đầu tư của dự án.

3. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định liên quan đến đất đai môi trường... Ngoài ra, trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước, của các địa phương có thay đổi, nhất là các lĩnh vực liên quan như là bất động sản, đền bù, hoặc là triển khai hướng dẫn các thay đổi chế độ chính sách của các cơ quan chức năng chậm thì đều ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro thị trường

Đối với lĩnh vực xây lắp điện, sản xuất công nghiệp và thủy điện nằm trong ngành điện lực nói chung, đóng vai trò là cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, bên cạnh đó, điện năng là nhu cầu cơ yếu trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của dân cư, nhất là trong tình trạng thiếu điện nghiêm trọng, đẩy giá điện tăng cao ở Việt Nam. Vì vậy, những lĩnh vực này ít chịu tác động của những biến động thị trường. Ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của ngành có thể kể đến chính sách đầu tư công của Nhà nước, có khả năng tác động đến mức đầu tư trong các lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản.

Lĩnh vực bất động sản, ngược lại, phát triển theo tính chu kỳ khá rõ ràng. Ví dụ, trong giai đoạn 2011 – 2012, thị trường bất động sản suy thoái, các dự án đình trệ, tạo áp lực tài chính rất lớn cho các công ty trong ngành. Mặc dù trong 2 năm trở lại đây, nhiều tín hiệu phục hồi đã giúp thị trường khởi sắc, nhưng chỉ những công ty có khả năng kiểm soát chi phí đầu tư và nhận định thị trường mới có thể tiếp tục phát triển và đủ uy tín để triển khai những dự án mới. Mặt khác, bất động sản không chỉ cung cấp sản phẩm là căn hộ, nhà ở cho người sử dụng, mà còn đóng vai trò là một kênh đầu tư với mục tiêu mang lại lợi nhuận, do đó, sẽ chịu ảnh hưởng của thị trường, lãi suất ngân hàng, v.v... Mỗi biến động không dự báo trước được của những nhân tố kể trên, sẽ tác động đến kết quả lợi nhuận của Công ty trong lĩnh vực bất động sản.

5. Rủi ro đặc thù

5.1. Ngành xây lắp điện và sản xuất công nghiệp

❖ Rủi ro điều kiện tự nhiên

Hoạt động xây lắp điện chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Thời gian thi công có thể kéo dài hơn dự kiến trong điều kiện thời tiết xấu, đồng thời, đòi hỏi mức độ cẩn trọng và chính xác cao hơn đối với người thực hiện cũng như quá trình vận hành máy móc thiết bị.

❖ Rủi ro công nghệ

Đối với hoạt động xây lắp nói riêng, ngành điện nói chung, yếu tố khoa học công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện hiệu quả sản xuất và tương thích với những tiến bộ kỹ thuật ngày càng

cao cả trong và ngoài nước. Do đó, mỗi thay đổi hoặc bước tiến triển về mặt công nghệ, sẽ làm cho năng lực sản xuất hiện có trở nên lỗi thời, đòi hỏi Công ty phải đầu tư mới thiết bị máy móc, nâng cao năng lực nhân sự vận hành.

❖ **Rủi ro vận hành và an toàn lao động**

Trong điều kiện lao động, phải tiến hành thi công ngầm dưới đất, và công trình điện trên cao, lao động trong lĩnh vực xây lắp điện có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố. Rủi ro trong an toàn lao động không những có thể đi kèm với rủi ro pháp lý, tài chính mà còn gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty trong lĩnh vực xây lắp điện. Do đó, PCC1 chú trọng khâu giám sát an toàn thi công trong quá trình triển khai dự án của mình và tuân thủ các chế độ bảo hiểm cho cả Công ty và người lao động để hạn chế ảnh hưởng của yếu tố rủi ro này đến hoạt động kinh doanh chung của toàn Công ty.

5.2. Ngành đầu tư thủy điện

❖ **Rủi ro thời tiết**

Đặc thù của ngành thủy điện chịu nhiều rủi ro từ các yếu tố thời tiết, đặc biệt là lượng mưa và nước trên các sông, hồ. Trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm giảm mực nước tích trữ tại các hồ, đập thủy điện, ảnh hưởng đến sản lượng điện sản xuất. Trong trường hợp thiên tai mưa lớn, bão lũ có thể gây thiệt hại cho các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố không chỉ cho nhà máy mà còn các khu vực lân cận và làm tăng chi phí sửa chữa. Ngoài ra, nguồn nước ổn định có ý nghĩa quan trọng trong việc điều tiết giờ phát điện của Nhà máy để đảm bảo hiệu quả doanh thu, đặc biệt là vào mùa khô.

❖ **Rủi ro độc quyền**

Ngành điện cũng là một ngành độc quyền do Nhà nước quản lý thông qua Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quyết định, thông tư do Thủ tướng và Bộ công thương ban hành. Do đó, với chỉ một đơn vị mua buôn duy nhất là Công ty mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, không có nhiều sự cạnh tranh đối với bên mua trong ngành. Việc đàm phán ký kết các hợp đồng mua bán điện hiện có những khó khăn nhất định và chưa đạt tính minh bạch tuyệt đối.

Ngoài ra, việc độc quyền của EVN và Nhà nước quy định mức giá trần bán lẻ điện cũng như quy định chặt chẽ về việc tăng giá điện làm hoạt động của ngành kém năng động, khó thu hút được đầu tư, gây cản trở lớn cho việc phát triển ngành thủy điện vốn là ngành có chi phí đầu tư rất lớn.

❖ **Rủi ro thời gian xây dựng và kỹ thuật**

Do các công trình thủy điện thường là các công trình lớn, cần nguồn vốn đầu tư cao và thời gian xây dựng cơ bản dài. Đặc biệt khi sử dụng vốn vay ngân hàng chiếm đến 70% – 75% tổng mức đầu tư thì mọi rủi ro trong quá trình xây dựng làm chậm tiến độ, kéo dài thời gian đi vào hoạt động của nhà máy sẽ làm tăng đáng kể chi phí lãi vay của dự án, hạn chế hiệu quả sử dụng vốn.

Bên cạnh đó, quá trình xây dựng công trình và lắp máy cũng đòi hỏi tính chính xác và an toàn cao về mặt kỹ thuật. Bất kỳ hoạt động xây dựng, lắp máy hoặc vận hành không đúng kỹ thuật nào cũng sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng khi xảy ra sự cố. Để giảm thiểu tối đa rủi ro này, trước, trong và sau quá trình thi công xây dựng, Công ty đều có giám sát, kiểm tra đánh giá tiêu chuẩn kỹ thuật của công trình và máy móc thiết bị.

5.3. Ngành đầu tư và kinh doanh bất động sản

❖ Rủi ro pháp lý dự án

Các thủ tục pháp lý và hành chính cho mỗi dự án bất động sản luôn là vấn đề mà các doanh nghiệp phải chú trọng. Công ty có thể gặp rủi ro về khả năng thực hiện dự án và tiến độ thực hiện dự án nếu việc xin giấy phép triển khai dự án kéo dài hơn dự kiến hoặc nếu có thay đổi trong quy hoạch chung của địa phương, đặc biệt là đối với các yếu tố như: giao thông, mật độ dân cư, mục đích sử dụng đất.

❖ Rủi ro đền bù giải phóng mặt bằng

Đây là đặc thù của ngành kinh doanh bất động sản ở Việt Nam. Trên thực tế, nhu cầu về đất xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở... ngày càng gia tăng trong khi quỹ đất vốn hạn chế lại đang ngày càng bị thu hẹp, nhất là tại các đô thị lớn. Đối với đất quy hoạch cho các dự án bất động sản đang được sử dụng, khai thác bởi dân cư, công tác giải phóng mặt bằng tại các khu vực này thường rất phức tạp, kéo dài, tiềm ẩn nhiều tranh chấp pháp lý. Mặt khác, khung giá đền bù, bồi thường đất theo quy định của Nhà nước không ổn định, và có giá trị lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu tư của doanh nghiệp.

Với chủ trương chỉ thực hiện các dự án bất động sản trên quỹ đất của Công ty quản lý hoặc khu đất có mặt bằng sạch, rủi ro về đền bù giải phóng mặt bằng đối với PCC1 được hạn chế tối đa.

❖ Rủi ro cạnh tranh

Phát triển kinh tế và gia tăng dân số khiến ngành bất động sản trở thành một lĩnh vực kinh doanh hấp dẫn. Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng tăng, đồng thời việc các tổ chức nước ngoài có tiềm lực mạnh về cả tài chính và nhân lực thâm nhập ngày càng sâu vào thị trường bất động sản nội địa dẫn đến môi trường cạnh tranh gay gắt hơn giữa các doanh nghiệp.

Hiện nay, tính riêng trên địa bàn Hà Nội, có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản sở hữu nhiều dự án có quy mô lớn. Phân khúc nhà ở cao cấp có thể kể đến các doanh nghiệp như Tân Hoàng Minh, Vingroup, CapitalLand, ... trong khi đó, Viglacera, HUD, Mường Thanh, Him Lam là những nhà đầu tư đánh dấu tên tuổi trong phân khúc thấp hơn. Những doanh nghiệp này đều là những đối thủ cạnh tranh tiềm tàng của Công ty, không chỉ thu hút nhu cầu thị trường về phía họ, tạo sức ép lên giá mà còn cạnh tranh trong quá trình nghiên cứu, triển khai dự án mới.

❖ Rủi ro các yếu tố đầu vào

Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án bất động sản, giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công, việc thanh toán công nợ có tác động không nhỏ đến dự báo chi phí của mỗi dự án. Mỗi biến động không được dự báo trước của các yếu tố đầu vào sẽ làm thay đổi kế hoạch dòng tiền, lợi nhuận dự án của Công ty. PCC1 tự triển khai các dự án bất động sản góp phần giảm thiểu chi phí trung gian, nâng cao kiểm soát chi phí và chất lượng thi công, tạo uy tín thương hiệu trên thị trường và hạn chế rủi ro biến động giá và nguồn cung cấp các yếu tố đầu vào.

6. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán phụ thuộc vào tỷ lệ cổ đông hiện hữu đăng ký mua cổ phần so với tổng số lượng cổ phần dự kiến phát hành. Đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-PCC1-HĐQT ngày 26 tháng 04 năm 2015. Khả năng thành công của đợt chào bán sẽ có thể chịu tác động bởi yếu tố

tâm lý thị trường, tuy nhiên, với mục đích sử dụng vốn rõ ràng, tiềm năng phát triển tốt của Công ty, hơn nữa số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho nhà đầu tư, đợt chào bán sẽ có rủi ro thấp.

Xét nhu cầu sử dụng tiền thu được để đầu tư vào dự án thủy điện, rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được phụ thuộc vào tiến độ đầu tư, biến động kinh tế nói chung và ngành điện nói riêng. Các nhà máy thủy điện có chi phí đầu tư cao, thời gian xây dựng dài và phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết cũng như thị trường cung cấp điện năng cạnh tranh. Ngoài ra, một số yếu tố rủi ro tiềm ẩn khác có thể kể đến như tiến độ thi công chậm, khó khăn trong thu hồi vốn đầu tư, sự cố kỹ thuật,... Công ty tiết chế những rủi ro của dự án bằng việc xây dựng phương án đầu tư kỹ càng, tập trung xây dựng trong thời gian ngắn để dự kiến đưa Nhà máy đi vào hoạt động trong năm 2016.

7. Rủi ro pha loãng

7.1. Pha loãng giá cổ phiếu

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm pha loãng giá trị cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm phát hành cổ phiếu, giá trị của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng theo công thức sau:

$$\text{Giá trị cổ phiếu sau pha loãng} = \frac{PR_{t-1} + I_1 * PR}{1 + I_1 + I_2}$$

Trong đó:

PR(t-1): là giá trị của cổ phiếu trước ngày phát hành

PR: là giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

I₁ : Tỷ lệ vốn tăng do chào bán cho cổ đông hiện hữu (=50%)

I₂ : Tỷ lệ vốn tăng do phát hành cổ phiếu trả cổ tức (=20%)

7.2. Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu

Trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, thu nhập trên cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cho số lượng cổ phiếu nhiều hơn.

Bảng 1: Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	LNST dự kiến 2015 (đồng)	EPS 2015 dự kiến (đồng/ cổ phiếu)
Trước khi phát hành	20.099.568	150.415.000.000	7.483
Ảnh hưởng của chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	30.149.352	150.415.000.000	4.989
Ảnh hưởng của chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức	34.169.265	150.415.000.000	4.402

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2015. Vì vậy, nếu tính riêng ảnh hưởng của việc phát hành thêm 10.049.829 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể bị pha loãng

từ 7.483 đồng/ cổ phiếu xuống 4.989 đồng/ cổ phiếu. EPS pha loãng sau khi đồng thời chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức là 4.402 đồng.

7.3. Pha loãng tỷ lệ sở hữu

Việc phát hành một lượng lớn cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu (khối lượng phát hành dự kiến là 10.050.000 cổ phiếu với tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm/ tỷ lệ cổ phiếu đang lưu hành là 50%). Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra khi khối lượng chào bán vượt quá khả năng hấp thụ của cổ đông. Đối với các cổ đông từ chối quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống. Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua cao, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt phát hành này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

8. Rủi ro khác

Một số rủi ro bất khả kháng như thiên tai, bão lụt, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, v.v... tuy ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra đều gây thiệt hại lớn về vật chất, con người và ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Ông: Trịnh Văn Tuấn Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Bà: Trần Thị Minh Việt Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà: Nguyễn Thị Hải Hà Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có

3. Tổ chức tư vấn:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI

Đại diện: Bà Nguyễn Ngọc Anh

Chức vụ: Giám đốc phụ trách phía Bắc - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(theo Giấy ủy quyền số: 03/2014/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn ký ngày 17/10/2014)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Xây lắp Điện I. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xây lắp Điện I cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn
Công ty PCC1	: Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
BCTC	: Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
GCNĐKDN	: Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
CTCP	: Công ty Cổ phần
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
VCSH	: Vốn chủ sở hữu
BĐS	: Bất động sản

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về tổ chức phát hành

- ❖ **Tên Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I
- ❖ **Tên giao dịch quốc tế:** POWER CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY NO. 1
- ❖ **Tên viết tắt:** PCC1
- ❖ **Địa chỉ**
 - Địa chỉ đăng ký: Số 18 Lý Văn Phúc, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
 - Địa chỉ văn phòng: Tòa nhà CT2, số 583 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- ❖ **Điện thoại:** (84 – 4) 38 456 329
- ❖ **Fax:** (84 – 4) 38 231 997
- ❖ **Website:** www.pcc1.vn
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103008651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 7 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 04 năm 2015 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745.
- ❖ **Vốn điều lệ:** 201.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm linh một tỷ đồng)
- ❖ **Ngành nghề kinh doanh:** Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/07/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/04/2015 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới 0100100745, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">a) Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;b) Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua;c) Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại;d) Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;e) Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
2	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Dịch vụ tư vấn bất động sản- Dịch vụ môi giới bất động sản

STT	Tên ngành
	<ul style="list-style-type: none">- Dịch vụ định giá bất động sản- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản- Dịch vụ quảng cáo bất động sản- Dịch vụ quản lý bất động sản- Tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng
3	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: <ul style="list-style-type: none">- Khảo sát, thiết kế xây dựng các công trình điện, công nghiệp, dân dụng, tư vấn giám sát, đền bù, giải phóng mặt bằng;- Tư vấn quản lý dự án thủy điện, quản lý sau đầu tư thủy điện
4	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Đào tạo nghề xây lắp điện
5	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cầu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
7	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
8	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
10	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác, chế biến đá các loại
11	Chuẩn bị mặt bằng
12	Lắp đặt hệ thống điện
13	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư
14	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại

STT	Tên ngành
16	Khai thác quặng sắt
17	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
118	Sản xuất sắt, thép, gang
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại
20	Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Xây lắp điện I được thành lập từ ngày 02/03/1963, với tên gọi ban đầu là Công ty Xây lắp đường dây và trạm. Trải qua trên 50 năm xây dựng và phát triển, từ nhiệm vụ trọng tâm ban đầu là xây lắp các công trình truyền tải điện quốc gia, PCC1 hiện nay đã chứng tỏ năng lực của mình trong các lĩnh vực kinh tế khác nhau và được xếp hạng thứ 185 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam với quy mô hơn 20 đơn vị thành viên và đạt doanh thu trên 3000 tỷ đồng trong năm 2014.

❖ Giai đoạn 1967 – 1970:

Ngày 30/6/1967, Bộ Công Nghiệp Nặng ra quyết định thành lập Công ty Xây lắp đường dây và Trạm, trực thuộc Cục Điện lực.

❖ Giai đoạn 1970 – 1975:

Ngày 30/6/1970, Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm trực được thành lập là công ty trực thuộc Bộ Điện và Than. Từ đó, Công ty được xếp loại là đơn vị ngang Cục và là cơ quan quản lý cấp trên của các xí nghiệp, thực hiện hạch toán kinh tế toàn diện và tập trung.

❖ Giai đoạn 1975 – 1979:

Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức độc lập. Trong giai đoạn này, Công ty hoàn thành xuất sắc hai đường dây 220kV Hà Đông – Hoà Bình và đường dây 220kV Thanh Hoá – Vinh, đánh dấu năng lực xây dựng đường dây 220kV.

❖ Giai đoạn 1979 – 1988:

Công ty được đổi tên thành Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 1. Năm 1983, một số đơn vị trực thuộc Công ty được tách ra để thành lập các công ty trực thuộc Bộ Điện Lực là - Công ty Xây lắp đường dây và trạm 4 đóng tại Đông Anh, Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm khu vực Hà Nội, Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm 3 đóng tại Vinh, Công ty Xây lắp điện 5 đóng tại Vinh.

❖ Giai đoạn 1988 – 2005:

Trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp điện Đường dây và Trạm 1 với Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm Hà Nội, CTCP Xây lắp điện I được thành lập vào năm 1988, là doanh nghiệp trực thuộc Bộ Năng Lượng. Trong giai đoạn tiếp theo, Công ty lần lượt trực thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Xây dựng công nghiệp Việt Nam (thuộc Bộ Công Nghiệp).

Năm 2001, Công ty đạt sản lượng 194 tỷ đồng.

Năm 2005, Công ty đạt tổng sản lượng 254 tỷ đồng; tổng doanh thu gần 230 tỷ đồng.

❖ **Giai đoạn 2005 đến nay:**

Năm 2005, Công ty cổ phần Xây lắp điện I được cổ phần hoá từ doanh nghiệp nhà nước là CTCP Xây lắp điện I.

Công ty đã gặp phải nhiều khó khăn do tư duy quản lý cũ, không phù hợp với mô hình hoạt động tại thời điểm sau cổ phần hóa. Trước tình hình đó, lãnh đạo Công ty đã mạnh dạn thay đổi tư duy, áp dụng phương pháp quản trị doanh nghiệp theo hướng hiệu quả:

Giải quyết vấn đề xây dựng chiến lược định hướng về sản phẩm;

Xác định đổi mới công nghệ: đầu tư đồng bộ thiết bị sản xuất cột đơn than 110kV, 220kV; đầu tư thiết bị máy móc tại Nhà máy Yên Thường; hoàn thành kế hoạch đầu tư đồng bộ thiết bị thi công kéo dây hiện đại cho các đường dây 500kV, 220kV.

Từ nhà thầu xây lắp, Công ty đã vươn lên trở thành nhà tổng thầu xây lắp điện trong việc thực hiện các hợp đồng EPC và hợp đồng xuất khẩu.

Công ty là đơn vị duy nhất tại Việt Nam có khả năng vừa thiết kế, chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cột thép thanh rì đến 750kV và cột điện đơn thân 220 KV có 1, 2, 4 mạch mạ kẽm nhúng nóng.

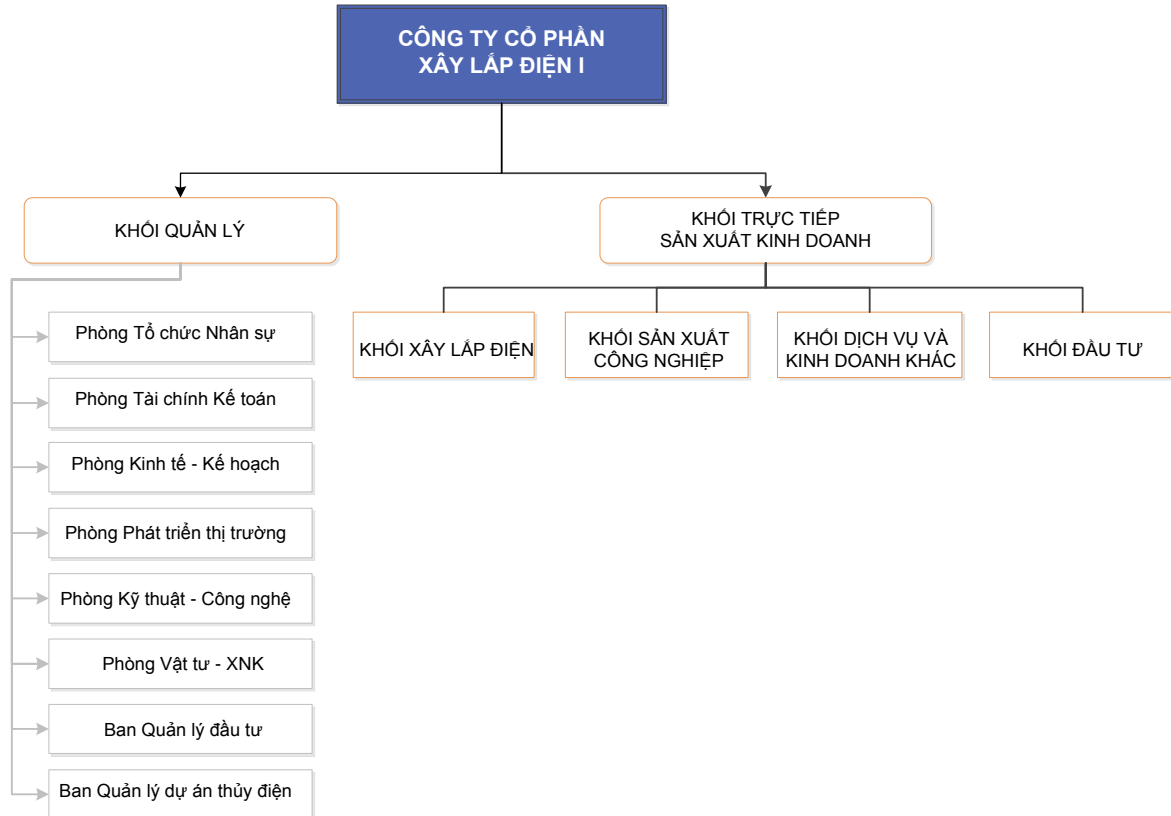
Trong giai đoạn 2009 – 2013, Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu trung bình hàng năm trên 15%, với doanh thu hàng năm trên 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận đạt từ 30% đến 60% trên vốn điều lệ. Năm 2014 đã đánh dấu một bước phát triển mới khi Công ty đạt mức doanh thu trên 3.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế trên 400 tỷ đồng.

Tháng 11 năm 2012, Công ty đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

Trong những năm gần đây, bên cạnh ngành nghề truyền thống là xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, Công ty cũng chú trọng đến việc đa dạng hoá các ngành nghề khác như đầu tư dự án bất động sản, hợp tác đầu tư, đầu tư nhà máy thủy điện... Những lĩnh vực này đã góp phần mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại lợi nhuận cho Công ty và khẳng định uy tín thương hiệu của PCC1 trên thị trường.

3. Cơ cấu tổ chức của công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty tháng 8 năm 2015



Phòng Tổ chức – Nhân sự

Phòng Tổ chức – Nhân sự là đầu mối giải quyết các công tác tổ chức hành chính, giúp việc Công ty về xây dựng cơ cấu tổ chức; tuyển dụng và đào tạo nhân sự, bố trí cán bộ để đảm bảo bộ máy quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Phòng Tổ chức – Nhân sự đảm nhiệm các chức năng: quản lý nhân sự, quản lý lao động, công tác tiền lương, chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên đồng thời giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có) của cán bộ công nhân viên theo sự phân cấp của Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán là đầu mối giải quyết các công tác tài chính, kế toán, tổ chức hệ thống kế toán và có nhiệm vụ chủ yếu bao gồm: quản lý, theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chế độ tài chính, kế toán. Phòng Tài chính – Kế toán lập kế hoạch tài chính hàng năm, kế hoạch thu xếp nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu nguồn vốn cho các dự án đầu tư, cho hoạt động thi công xây lắp điện, đề xuất phương án huy động vốn và tổng hợp chi phí sản xuất, phân tích hoạt động tài chính, xác định kết quả sản xuất kinh doanh, phương án trích lập các quỹ. Bên cạnh đó, phòng Tài chính – Kế toán còn đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, chấn chỉnh công tác quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Phòng Kinh tế - Kế hoạch là đầu mối giải quyết các công tác lập kế hoạch kinh doanh, dự toán đấu thầu công trình, tham mưu cho Tổng giám đốc về các kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Công ty. Phòng Kinh tế - Kế hoạch có nhiệm vụ:

- Tổng hợp báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh;
- Lập hồ sơ dự thầu cho các gói thầu thi công xây lắp, thương thảo để ký kết các hợp đồng kinh tế với Chủ đầu tư và đơn vị thầu phụ, thực hiện việc thanh quyết toán công trình với chủ đầu tư và các công tác khác có liên quan;
- Lập kế hoạch và giao cho các đơn vị thực hiện để điều hành có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Phòng Phát triển thị trường

Phòng Phát triển thị trường phụ trách công tác mở rộng thị trường và tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm và lựa chọn các cơ hội đầu tư.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ

Phòng Kỹ thuật – Công nghệ là đầu mối quản lý và giải quyết các công việc bao gồm:

- Công tác kỹ thuật thi công các công trình điện, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, quản lý chất lượng sản phẩm, sở hữu công nghiệp
- Kỹ thuật an toàn và vật tư thiết bị
- Chức năng chủ yếu của Phòng Kỹ thuật – Công nghệ là:
- Lập tổng tiến độ, tiến độ chi tiết
- Lập phương án tổ chức thi công
- Lập phương án dự kiến vật tư, thiết bị

Quản lý và hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị, dụng cụ thi công

Phòng Kỹ thuật – Công nghệ tổ chức hướng dẫn, điều hành và giám sát các đơn vị thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật, quy trình, quy phạm nhằm đảm bảo an toàn lao động và chất lượng công trình.

Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu

Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu là phòng đầu mối giải quyết vấn đề cấp phát vật tư và thiết bị thi công trên cơ sở dự báo vật tư thi công, với các mục tiêu chính: lập kế hoạch mua hàng; tổ chức đánh giá nhà cung cấp, người bán; đảm bảo chất lượng hàng mua phù hợp với yêu cầu quy định; xây dựng và duy trì quan hệ với các nhà cung cấp, tạo thuận lợi cho họ trong việc nâng cao chất lượng để đảm bảo sự ổn định trong sản xuất; tham gia theo dõi, đo lường quá trình thực hiện.

Ban Quản lý đầu tư

Ban Quản lý đầu tư giúp Công ty, với tư cách là Chủ đầu tư, thực hiện quy trình về thủ tục cấp phép xây dựng với các cơ quan có thẩm quyền để triển khai dự án bất động sản như: Dự án Khu nhà ở dịch vụ và thương mại Nàng Hương, Trung tâm thương mại và nhà ở Mỹ Đình ... Ban Quản lý đầu tư tư vấn, lựa chọn những nhà thầu phụ có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản và giám sát việc thực hiện của các nhà đầu phụ để đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình, tổ chức nghiệm thu và quyết toán công trình để bàn giao đưa vào sử dụng. Ngoài ra, Ban Quản lý đầu tư cũng thực hiện tư vấn, quảng cáo sản phẩm, hồ sơ chào bán sản phẩm, bán hàng và các thủ tục khác liên quan đến hoạt động đầu tư bất động sản.

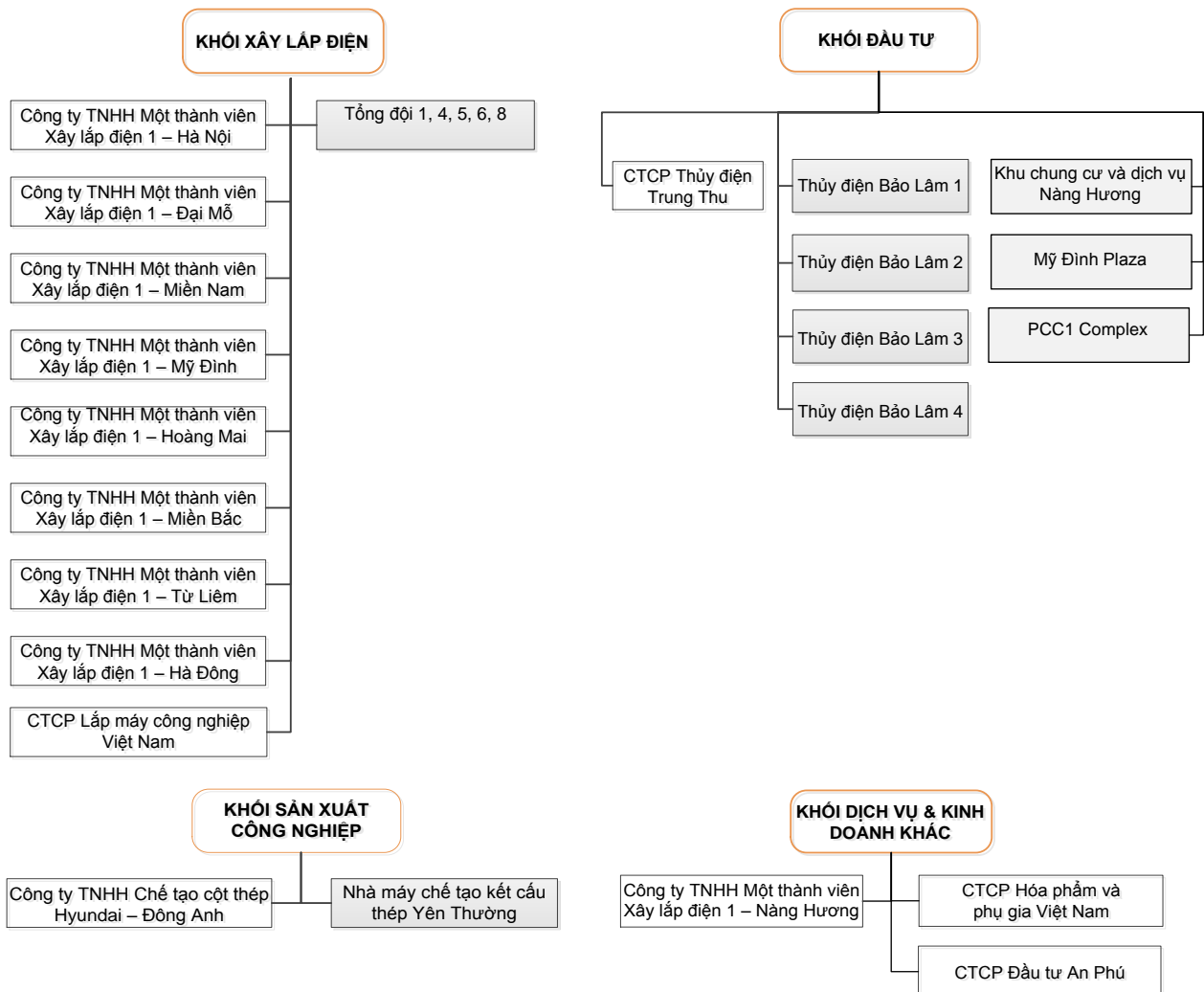
Ban Quản lý các dự án thủy điện

Ban Quản lý các dự án thủy điện giúp việc cho Công ty thực hiện quản lý đầu tư, hoàn thiện thủ tục với các cơ quan có thẩm quyền để triển khai các dự án đầu tư trong lĩnh vực thủy điện: Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Dự án Thủy điện Bảo Lâm 2, Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3, v.v...

Khối trực tiếp sản xuất kinh doanh

Bao gồm các đơn vị thành viên là công ty con và các đơn vị trực thuộc trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

Hình 2 : Sơ đồ tổ chức công ty con, đơn vị trực thuộc tham gia sản xuất kinh doanh tại ngày 15/08/2015



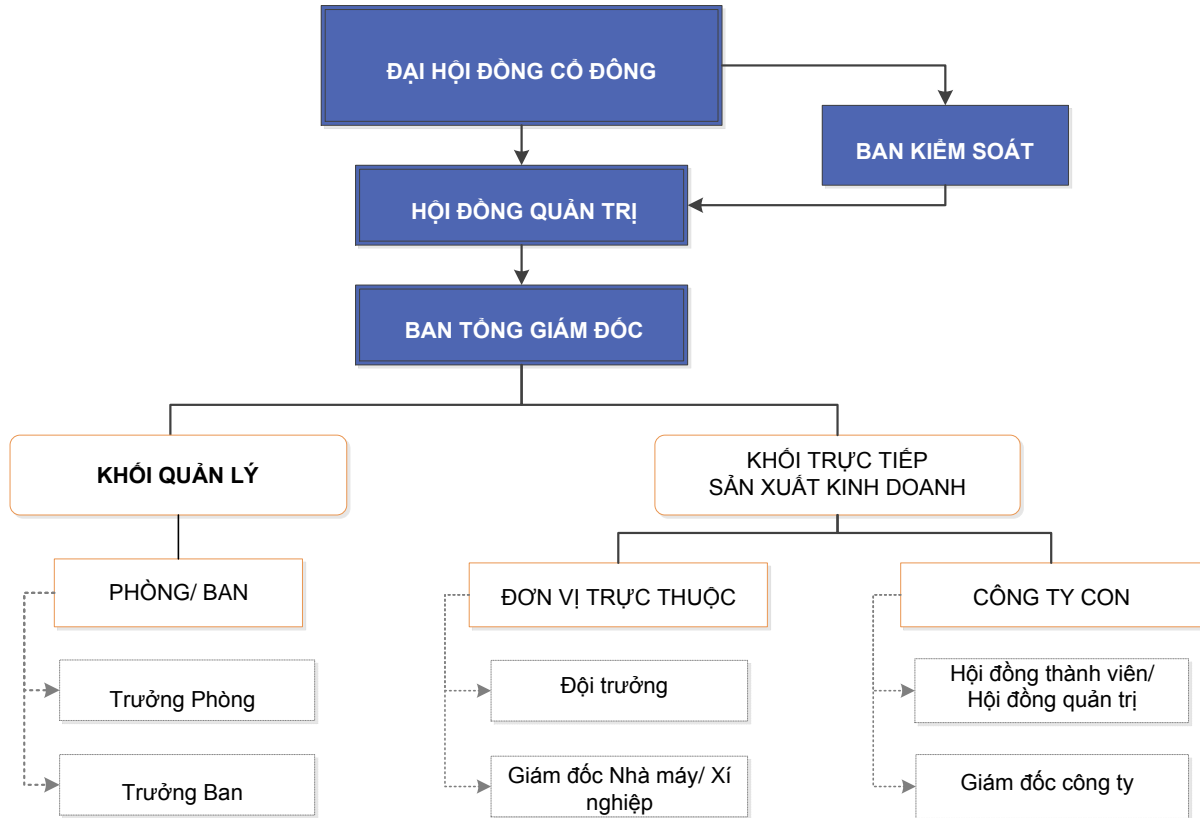
Chú thích:

Công ty con

Đơn vị trực thuộc

4. Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế khác;

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị chỉ đạo và quản lý hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của Hội đồng quản trị bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- Thành lập, giải thể chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- Thành lập các Công ty con của Công ty;
- Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua Công ty và liên doanh);
- Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Ban Tổng Giám đốc

Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính của Công ty.
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
- Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

Bộ máy quản lý khác

Các Giám đốc nhà máy, Giám đốc Công ty con và các trưởng phòng khối Văn phòng trực tiếp điều hành hoạt động của nhà máy, công ty, chuyên môn bộ phận của mình, báo cáo hoạt động cho Ban Tổng Giám đốc.

Dưới Ban Tổng giám đốc là:

- Các Trưởng Phòng hoặc Trưởng Ban đối với Khối quản lý văn phòng Tổng công ty;
- Tổng đội trưởng, Giám đốc nhà máy đối với đơn vị trực thuộc;
- Hội đồng thành viên đối với các công ty con là công ty TNHH hoặc Hội đồng quản trị đối với các công ty con là công ty cổ phần.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty đến thời điểm 22/07/2015 và người có liên quan

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Minh Đệ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	1.076.959	5,36%
	Người có liên quan của ông Nguyễn Minh Đệ không nắm giữ cổ phiếu PCC1			
2	Nguyễn Thị Thanh Mai	Phòng 302, Chung cư 249A Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	1.179.164	5,87%
	Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Thanh Mai không nắm giữ cổ phiếu PCC1			
3	Trịnh Văn Tuấn	57 Tổ 13, Thanh Xuân Bắc, Hà Nội	6.529.388	32,48%
	Người có liên quan			
	Lê Thị Thoi (Vợ ông Trịnh Văn Tuấn)	10C/25, Láng Hạ, P.Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.	237.367	1,18%

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/07/2015

TT	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần nắm giữ	% Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
I	Cổ đông trong nước	693	20.099.568	100%
1	Tổ chức	4	709.460	3,53%
2	Cá nhân	689	19.390.108	96,47%
II	Cổ phiếu quỹ	-	432	0,00%
III	Cổ đông nước ngoài	0	0	0%
	TỔNG CỘNG	693	20.100.000	100%

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

Đối với cổ đông sáng lập: Công ty cổ phần Xây lắp điện I được cổ phần hóa từ năm 2005, do đó, tính đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng đã không còn hiệu lực.

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành;

6.1. Công ty mẹ của tổ chức phát hành

Không có

6.2. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Không có

6.3. Danh sách các công ty con:

Bảng 4: Danh sách các công ty con tại ngày 15/08/2015

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Số Giấy CNĐKKD	VĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PCC1	Ngành nghề sản xuất kinh doanh
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hà Nội	Km 0 Quốc lộ 21B, Phường Phú Lương, quận Hà Đông, TP Hà Nội	0500581803	5.000	100%	Xây lắp điện
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Đại Mỗ	Thôn chợ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0105514387	5.000	100%	Xây lắp điện
3	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Nam	Cao ốc An Khang, số 28 Đường 19 khu phố 5, phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	0305599821	10.000	100%	Xây lắp điện
4	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Mỹ Đình	Xóm 7, xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội	0103985486	5.000	100%	Xây lắp điện
5	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Hoàng Mai	Số 471 đường Nguyễn Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	0104770469	5.000	100%	Xây lắp điện
6	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Miền Bắc	Thôn chợ, xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0105802071	3.000	100%	Xây lắp điện
7	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Từ Liêm	Tổ 19, xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	0106052368	5.000	100%	Xây lắp điện
8	Công ty TNHH Một thành viên	Thôn Văn La, phường Phú La, Hà Đông, Hà	0106053499	5.000	100%	Xây lắp điện

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Số Giấy CNDKKD	VĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PCC1	Ngành nghề sản xuất kinh doanh
	Xây lắp điện 1 – Hà Đông	Nội				
9	Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp điện 1 – Nàng Hương	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội	0104236835	725	100%	Dịch vụ
10	Công ty TNHH Chế tạo cột thép Hyundai – Đông Anh	Tổ 23, thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội	0100113906	2,857 triệu USD	90%	Sản xuất các cột thép mạ kẽm, kết cấu thép, phụ tùng phụ kiện có liên quan và cung cấp dịch vụ về mạ, mua bán thép, kẽm và vật tư phục vụ sản xuất, chế tạo kết cấu thép, mua bán vật tư, thiết bị kỹ thuật điện
11	Công ty Cổ phần Lắp máy công nghiệp Việt Nam	Số 583 Km 9 đường Nguyễn Trãi, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội	n/a	5.000	51%	lắp máy công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Hoá phẩm Phụ gia Việt Nam	Xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội	0105170337	6.800	51%	Sản xuất các sản phẩm dầu nhũ thủy lực, dầu cắt gọt kim loại
13	Công ty Cổ phần Thủy Điện Trung Thu	Số nhà 157, Tổ dân phố 16, Phường Tân Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên	5600185792	75.000	60%	Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, tư vấn thiết kế, thẩm tra

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Số Giấy CNĐKKD	VĐL (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của PCC1	Ngành nghề sản xuất kinh doanh
						thiết kế, tổng dự toán các công trình thủy điện
14	Công ty Cổ phần Đầu tư An Phú	Cụm CN Tân Tiến, xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	01230245 03	15.000	90%	Chuẩn bị mặt bằng, kho bãi và lưu giữ hàng hoá

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

6.4. Những công ty khác mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Hồng Việt, phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

Giấy CNĐKKD: 4800162247

Hoạt động chính: Khai thác, chế biến khoáng sản

Vốn điều lệ: 385.000.000.000 đồng

Tỉ lệ nắm giữ của PCC1: 24,8% vốn điều lệ

7. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Vốn điều lệ khi cổ phần hóa của công ty là 50.000.000.000 đồng. Trải qua 7 lần thay đổi vốn điều lệ, trong đó, có 6 lần tăng vốn điều lệ. Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày dưới đây:

Bảng 5: Quá trình tăng vốn của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

STT	Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đối tượng phát hành	Đơn vị cấp
	Năm 2005	-	50.000	Cổ phần hóa		Bộ Công Nghiệp theo Quyết định số 1263/QĐ-TCCB ngày 05/04/2005
Lần 1	Năm 2008	16.670	66.670	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Cổ đông hiện hữu	UBCKNN theo văn bản số 316/UBCK-GCN Ngày 12/08/2008
Lần 2	Năm 2009	33.330	100.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	cổ đông chiến lược, cổ đông hiện	UBCKNN theo văn bản số 418/UBCK-GCN ngày 26/08/2009

STT	Thời gian	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ thực góp sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Đối tượng phát hành	Đơn vị cấp
					hữu	
Lần 3	Năm 2011	40.000	140.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Cổ đông hiện hữu	UBCKNN theo văn bản số 17/UBCK-GCN ngày 08/02/2011
Lần 4	Năm 2013	13.000	180.000	Phát hành cổ phiếu thưởng	Cổ đông hiện hữu	UBCKNN theo văn bản số 3194/UBCK-QLPH ngày 25/06/2013
		27.000		Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Cổ đông hiện hữu	
Lần 5	Năm 2014	21.000	201.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Cổ đông hiện hữu	UBCKNN theo văn bản số 4004/UBCK-QLPH ngày 11/07/2014

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

Ngày 07/11/2012, Công ty đã mua 1.000.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ và nhận Quyết định số 18/QĐ-UBCK ngày 14/01/2013 do không gửi các tài liệu báo cáo theo quy định tới UBCKNN trước khi giao dịch. Công ty đã thực hiện nộp phạt đầy đủ theo Quyết định và rút kinh nghiệm.

Năm 2013, Công ty đã thực hiện bán 1.000.000 cổ phiếu quỹ, UBCKNN đã nhận được đầy đủ báo cáo của doanh nghiệp theo văn bản số 02/UBCK-QLPH ngày 02/01/2014.

Các giao dịch cổ phiếu quỹ trên đây không làm thay đổi Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên báo cáo tài chính kiểm toán.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xây lắp điện I hiện nay là 201.000.000.000 đồng. Theo kế hoạch tăng vốn được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, sau khi thực hiện thành công đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu trả cổ tức dự kiến Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành là 341.700.000.000 đồng.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Lĩnh vực kinh doanh

8.1.1. Xây lắp điện và sản xuất công nghiệp

a) Xây lắp điện

Xây lắp điện là mảng kinh doanh truyền thống của Công ty cổ phần Xây lắp điện I, với trên 50 năm kinh nghiệm, thực hiện các công trình truyền tải điện quốc gia và nhà máy điện. Các loại công trình chính của lĩnh vực này bao gồm:

- Công trình đường dây tải điện
- Trạm biến áp
- Công trình nguồn điện

Công ty đã thực hiện hàng chục nghìn km đường dây từ 110 kv, 220 kv đến 500 kv, hàng trăm nghìn km đường dây 35 kv cùng nhiều dự án trạm biến áp 500 kv. PCC1 hiện là đơn vị đứng đầu trên cả nước về cả quy mô nhân sự và khả năng xây lắp.

Thế mạnh của Công ty là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng hệ thống máy móc thiết bị áp dụng công nghệ tiên tiến cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500 kV như: thiết bị kéo hãm đồng bộ, khinh khí cầu được điều khiển từ xa áp dụng trong thi công kéo dây siêu cao áp, thiết bị thi công nóng đường dây cao áp, máy thổi khô không khí phục vụ cho việc lắp đặt máy biến áp 500 KV...

Việc đầu tư đồng bộ thiết bị thi công kéo dây hiện đại bằng khinh khí cầu đã hỗ trợ PCC1 hoàn thành việc kéo dây cho công trình Đường dây 500kV Vĩnh Tân- Sông Mỹ, Đường dây 220kv Đắc Nông - Phước Long - Bình Long, Đường dây 500kv Pleiku-Mỹ Phước- Cầu Bông, Dự án đưa điện lưới ra huyện đảo Cô Tô. Đây là bước đột phá quan trọng trong lĩnh vực đầu tư lưới điện, truyền tải điện, nâng cao năng lực xây lắp, nhất là tại những khu vực có địa hình phức tạp, hiểm trở và tiết kiệm chi phí thi công cho chủ đầu tư, khẳng định vị thế số 1 của PCC1 trên thị trường.

Hình 4: Tuyến đường dây 110kV đảo Cô Tô chạy dọc theo chân núi



Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

Máy thổi khô không khí, thành tựu Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I – Hoàng Mai, đưa PCC1 trở thành đơn vị đầu tiên trong cả nước sử dụng thiết bị để xử lý cách điện ẩm của máy biến áp và các thiết bị điện 500kV. Sáng kiến này đã được áp dụng thành công tại Trạm Biến Áp 500kV Quảng Ninh, Trạm Biến Áp 500kV Thường Tín, Trạm Biến Áp 500kV Ô Môn... Máy thổi khô không khí giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí do không phải nhập thiết bị từ nước ngoài.

Một số dự án Công ty tham gia thi công xây lắp gần đây có thể kể đến như sau:

❖ **Dự án trạm biến áp 500 kV Pleiku 2, ngăn xuất tuyến trạm 500 kV Cầu Bông:**

PCC1 là nhà thầu liên danh cùng PCC4 thực hiện gói thầu số 07 của dự án, do Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia làm chủ đầu tư. Gói thầu số 07 của Công ty bao gồm:

- Xây lắp Trạm biến áp BA 500kV Pleiku 2 (trừ phần san nền)
- Ngăn xuất tuyến TBA 500kV Cầu Bông: bao gồm cả vận chuyển VTTB, PCCC và phá vỡ tại TBA 500kV Pleiku 2.

Dự án này có tổng mức đầu tư 1.277,4 tỷ đồng, được đầu tư xây dựng với mục tiêu đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy cho trục truyền tải 500kV Bắc - Trung - Nam, tăng cường năng lực truyền tải của Đường dây 500kV mạch kép Pleiku - Mỹ Phước - Cầu Bông thông qua việc lắp đặt các bộ tụ bù dọc tại TBA 500kV Cầu Bông và TBA 500kV Pleiku để giảm nguy cơ sự cố và giảm áp lực vận hành

cho TBA 500kV Pleiku hiện có và tăng cường lưới điện truyền tải Việt Nam - Lào, trong đó có việc đấu nối để tiếp nhận nguồn công suất từ Lào về Việt Nam.

❖ **Đường dây và Trạm biến áp 110 kV Quế Võ II**

Dự án đường dây và TBA 110kV Quế Võ II do Tổng Công ty Điện lực miền Bắc làm chủ đầu tư, đơn vị thi công là Liên danh Công ty Cổ phần xây lắp điện I- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Phú Minh. Quy mô dự án gồm xây dựng:

- Nhánh rẽ đường dây 110 kV tuyến Phả Lại – Bắc Ninh về Trạm biến áp 110 kV Quế Võ II;
- Trạm Biến Áp 110 kV: công suất thiết kế 2 x 40MVA, bao gồm hệ thống nhà phân phối, quản lý vận hành, sân, đường cáp, thoát nước, tường rào, điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc Scada, hệ thống phân phối thiết bị điều khiển trong nhà...

❖ **Dự án Trạm biến áp 500 kV Phố Nối và đường dây đấu nối:**

Công trình có tổng mức đầu tư của dự án là 1.451,6 tỷ đồng do Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia làm chủ đầu tư, bao gồm:

- Xây dựng mới trạm biến áp 500/220/110kV Phố nối, Trạm sử dụng thiết bị đặt ngoài trời, công suất trạm 2x600MVA và 2x250MVA, giai đoạn này lắp 01 trạm biến áp 500V-600MVA;
- Xây dựng các đoạn đường dây 500kV, gồm 2 nhánh rẽ mạch kép đấu nối từ đường dây 500V Quảng Ninh – Thường Tín vào trạm;
- Xây dựng các đoạn đường dây 220kV, gồm nhánh rẽ 4 mạch thứ nhất đi Phả Lại, Gia Lộc và nhánh rẽ 4 mạch thứ hai đi TBA 220kV Phố Nối, Thường Tín, Kim Động; Xây dựng tuyến 22kV (1 mạch) với chiều dài khoảng 2.423 mét và lắp đặt máy biến áp 22/0,4kV – 250kVA cấp điện thi công trạm biến áp.

❖ **Dự án Đường dây 500 kV Sơn La – Hòa Bình – Nho Quan:**

Dự án có chiều dài toàn tuyến 282,9 km đi qua địa phận 3 tỉnh Sơn La, Hoà Bình và Ninh Bình. Đây là đường dây truyền tải điện năng từ Nhà máy Thủy điện Sơn La và các nhà máy thủy điện khu vực Tây Bắc như Lai Châu, Bản Chát, Huội Quảng... hoà vào hệ thống điện quốc gia. PCC1 là đơn vị trực tiếp thi công gồm 03 lô thầu với 192 vị trí thi công, tổng chiều dài tuyến là hơn 80km. Đặc biệt tuyến đường dây của dự án này đi trên địa hình đồi núi vùng Tây Bắc hiểm trở, trong đó phân bố chủ yếu là hệ thống núi đá, vách dốc có độ cao trung bình từ 600-800m.

Ngoài ra, PCC1 tham gia vào nhiều dự án công trình truyền tải điện quốc gia khác như: Dự án Trạm biến áp 110 kV Yên Phong 3, Dự án Đường dây 500 kV Sơn La – Lai Châu, Dự án Đường dây 220 kV Cầu Bông – Hóc Môn – Rẽ Bình Tân, ...

❖ **Các dự án tổng thầu EPC**

Trên cơ sở chiến lược nâng cao năng lực xây lắp điện, PCC1 thực hiện các hợp đồng theo hình thức thiết kế, cung cấp và xây dựng. Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, PCC1 đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia và thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện, cùng các hợp đồng xuất khẩu sản xuất công nghiệp. Tiêu biểu cho mảng hoạt động này, Công ty đã thực hiện các gói thầu:

- Gói thầu EPC – ĐZ 110kV Bắc Giang – Quang Châu;
- Gói thầu EPC – ĐZ 500kV Nhà Bè – Metro city;

- Gói thầu EPC – ĐDK & TBA 110kV cấp điện cho Nhà máy Hóa chất Lào Cai.

b) Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi thứ hai của PCC1 và có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động xây lắp điện truyền thống của Công ty. Hai hoạt động chính liên quan đến lĩnh vực sản xuất công nghiệp của công ty gồm:

❖ Thiết kế, chế tạo kết cấu thép mạ kẽm

PCC1 là đơn vị có qui mô lớn nhất Việt Nam về thiết kế và chế tạo kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng, được trang bị công nghệ hiện đại với tổng công suất trên 50.000 tấn sản phẩm/năm, thông qua đơn vị thành viên là Nhà máy kết cấu thép Yên Thường và công ty con là Công ty TNHH chế tạo cột thép Huyndai – Đông Anh (PCC1 nắm giữ 90% vốn điều lệ).

Công ty TNHH chế tạo cột thép Huyndai – Đông Anh, có công suất 35.000 tấn sản phẩm/ năm, là công ty duy nhất có khả năng vừa thiết kế, chế tạo và lắp đặt sản phẩm cột thép đơn thân 110kV, 220kV loại 1, 2, 4 mạch (toàn bộ trang thiết bị sản xuất đã được đầu tư đồng bộ từ năm 2010) và cột thép liên kết thanh đến 750 kV.

Đối với Nhà máy kết cấu thép Yên Thường, PCC1 mới đầu tư cho Nhà máy 01 dây chuyền gia công thép góc CNC, máy đục lỗ CNC, xe cẩu cần trục bánh lốp 10 tấn, Trạm biến áp 35/0,4kV. Công suất của Nhà máy kết cấu thép Yên Thường là 15.000 tấn sản phẩm/ năm.

Hình 5: Cột thép đơn thân 220 kV



Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

Các sản phẩm kết cấu thép của công ty được sử dụng trong nhiều công trình điện, công trình viễn thông, giao thông trong nước và đã xuất khẩu sang một số quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Chi Lê...

Thế mạnh của PCC1 đối với các sản phẩm này là (1) khả năng chế tạo kết cấu thép với chất lượng cao, thể hiện ở độ chuẩn xác, tính ổn định và thuận tiện khi lắp đặt và (2) chất lượng mạ kẽm để đảm bảo tính cách điện, yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến an toàn của ứng dụng sản phẩm.

❖ Khai thác khoáng sản

Đây là mảng hoạt động mới của Công ty, một phần mục đích hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kết cấu thép đề cập trên đây và phần khác là để tận dụng việc hoạt động khảo sát thực trạng, địa hình, môi

quan hệ với các địa bàn có dự án liên quan đến mảng kinh doanh cốt lõi của Công ty là xây lắp điện. Công ty góp vốn vào các dự án khảo sát, thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến và kinh doanh các loại khoáng sản, trong đó, PCC1 đã góp 112,3 tỷ đồng vào Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, nắm giữ 24,8% Vốn điều lệ. Dự án khai thác quặng của CTCP Gang thép Cao Bằng đã hoạt động khai thác mỏ từ quý III năm 2014 và đang được đẩy nhanh tiến độ ra sản phẩm vào quý III năm 2015. Theo kế hoạch, trong năm 2015, PCC1 sẽ tiếp tục đầu tư 30 tỷ đồng vào CTCP Khoáng sản Tấn Phát.

8.1.2. Đầu tư bất động sản

Không dừng lại trong các lĩnh vực kinh doanh truyền thống, với thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp, khả năng tài chính của mình, Công ty mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh sang mảng đầu tư bất động sản nhằm tạo thêm nguồn lợi nhuận lớn, đóng góp vào sự phát triển ổn định của PCC1.

Thế mạnh của PCC1 trong mảng bất động sản là khả năng tài chính vững mạnh, có năng lực quản lý dự án, do đó, luôn hoàn thiện sản phẩm đúng với tiến độ cam kết và có chất lượng cao, xây dựng uy tín cho Công ty trong lĩnh vực này.

Những dự án bất động sản PCC1 đã đầu tư gồm:

❖ Khu nhà ở dịch vụ thương mại Nàng Hương

Khu nhà ở và dịch vụ thương mại Nàng Hương khởi công tháng 01 năm 2008 và hoàn thành tháng 09 năm 2010, nằm trên mặt đường số 583 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, T.P Hà Nội trên quy mô diện tích 9.314 m². Dự án Nàng Hương gồm 2 nhà cao tầng cao 21 tầng với tổng diện tích 3.153 m² và 1.407 m² biệt thự, 651 m² nhà liền kề. Dự án đã quyết toán vốn đầu tư với giá trị 281 tỷ đồng. Sau khi hoàn thành và bán dự án, PCC1 ghi nhận doanh thu khoảng 300 tỷ trong năm 2010 từ bán căn hộ, nhà liền kề và biệt thự. Ngoài ra, PCC1 vẫn đang khai thác một phần diện tích tầng 1, tầng 2, tầng kỹ thuật sau khi đầu tư, ghi nhận doanh thu khoảng 5 tỷ đồng/năm cho Công ty.

❖ Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở căn hộ Xây lắp điện 1 (Mỹ Đình Plaza)

Mỹ Đình Plaza có tổng diện tích 6.617 m² tại số 140 Trần Bình, quận Cầu Giấy, Hà Nội, được khởi công tháng 09 năm 2011 và hoàn thành tháng 12 năm 2013. Đây là tổ hợp căn hộ cao cấp, hiện đại, bao gồm một tòa tháp căn hộ cao cấp với 25 tầng nổi, 2 tầng hầm và hơn 350 căn hộ PCC1 phối hợp cùng CTCP Dịch vụ và Địa ốc Đất Xanh Miền Bắc đã mở bán Dự án Mỹ Đình Plaza với giá căn hộ tại dự án từ 21.500.000 đồng/ m², diện tích mỗi căn hộ từ 74 m² đến 110 m². Tổng mức đầu tư của dự án này là 630,9 tỷ đồng.

Dự án đã ghi nhận toàn bộ phần kinh doanh căn hộ trong năm 2014 với giá trị doanh thu là 708,5 tỷ đồng, lợi nhuận gộp 281,7 tỷ đồng. Ngoài ra, PCC1 sẽ tiếp tục bán 2 căn biệt thự với tổng diện tích sàn 664 m² thuộc dự án này và PCC1 đang giữ lại diện tích thương mại 1, 2, 3 và diện tích dịch vụ công cộng với tổng diện tích mặt bằng 7.964,3 m² để kinh doanh, với giá trị bất động sản đầu tư là 85,3 tỷ đồng.

❖ Dự án Nhà ở Xây lắp điện 1 Hà Đông (PCC1 Complex)

PCC1 Complex nằm tại phường Phú Lương, quận Hà Đông, Hà Nội được đánh giá là một trong những chung cư có vị trí đẹp thuận lợi nhất được kết nối vào Trung tâm Thành phố Hà Nội tiện lợi với hệ thống tuyến đường sắt trên cao. Dự án gồm bốn tòa tháp 15 tầng chức năng liên hoàn của căn hộ bậc trung cùng với trung tâm thương mại và văn phòng trên tổng diện tích đất 8.814,4 m². Dự kiến

sau khi hoàn thiện, PCC1 Complex sẽ cung cấp cho thị trường hơn 540 căn hộ và 3 tầng Trung tâm thương mại và văn phòng cho thuê.

Tổng mức đầu tư của dự án là 413 tỷ đồng. PCC1 khởi công dự án từ tháng 9 năm 2014, thi công xong phần thô và cất nóc dự án ngày 13/02/2015 và dự kiến hoàn thiện và bàn giao toàn bộ trong quý I năm 2016. Dự án được chính thức mở bán vào tháng 12 năm 2014, và đến nay đã bán hết toàn bộ số căn hộ.

Hình 6: Dự án bất động sản gần đây
6a -Dự án Mỹ Đình Plaza



6b - Dự án PCC1 Complex



Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

8.1.3. Đầu tư thủy điện

Thủy điện là lĩnh vực đòi hỏi mức đầu tư lớn trong giai đoạn xây dựng nhưng sẽ mang lại dòng tiền ổn định cho chủ đầu tư trong dài hạn và là mặt hàng thiết yếu, đóng vai trò vô cùng quan trọng của nền kinh tế. Bằng năng lực tài chính và đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao trong ngành điện, Công ty đã tận dụng lợi thế sẵn có của mình tham gia vào lĩnh vực đầu tư thủy điện với chiến lược mang lại phát triển bền vững cho PCC1 và cổ đông.

Dự án thủy điện đầu tiên Công ty tham gia đầu tư là Dự án Thủy điện Trung thu với chủ đầu tư là Công ty cổ phần Thủy điện Trung Thu, công ty con do PCC1 góp vốn 45 tỷ đồng, nắm giữ 60% vốn điều lệ. Nhà máy thủy điện Trung thu nằm trên địa bàn các xã Trung Thu, Sinh Phình, Mường Báng thuộc huyện Tủa Chùa và xã Pa Ham thuộc huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, với tổng công suất thiết kế dự kiến đạt 30 MW và được đánh giá sẽ là dự án có hiệu quả tốt. Dự án được khởi công các gói thầu chính vào tháng 9 năm 2014, kế hoạch hoàn thành dự án vào quý IV năm 2016.

Bên cạnh đó, Công ty được tin nhiệm tiếp tục giao 4 Nhà máy thủy điện khác: Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 1, Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 2, Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 3, Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 4 với tổng công suất khoảng 170 MW tại các tỉnh Cao Bằng và Điện Biên, trong đó dự án Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1 với công suất 30 MW đã khởi công từ tháng 4 năm 2015 và dự kiến phát điện vào năm 2016. (Chi tiết về Dự án Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 1 sẽ được trình bày tại mục VI của Bản Cáo Bạch này.) Sau khi triển khai Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 1, PCC1 cũng mới khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Bảo Lâm 3 và dự kiến phát điện trong năm 2017. Đối với 2 dự án thủy điện còn lại, Công ty sẽ lên kế hoạch triển khai sau khi thu xếp được nguồn vốn và để đảm bảo tính ổn định, dài hạn trong quá trình đầu tư của PCC1.

8.2. Địa bàn hoạt động kinh doanh

Trong khi các dự bán bất động sản của Công ty tập trung chủ yếu tại khu vực miền Bắc, cụ thể là thành phố Hà Nội và khu vực lân cận. Hoạt động xây lắp điện của Công ty trải dài trên địa bàn khắp cả nước, cụ thể:

- ❖ **Miền Bắc:** Hà Nội, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lai Châu, Sơn La, Bắc Kạn;
- ❖ **Miền Trung:** Đắk Nông, Nghệ An, Hà Tĩnh;
- ❖ **Miền Nam:** TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Tiền Giang, Cà Mau.

8.3. Sản lượng sản phẩm/ Giá trị dịch vụ qua các năm

Bảng 6: Doanh thu theo từ lĩnh vực hoạt động qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6T năm 2015	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6T năm 2015
Bán hàng	139.157	9%	46.362	2%	65.294	24.205	1%	62	0%	41.776
Xây lắp và sản xuất công nghiệp	1.384.277	89%	1.916.951	72%	998.502	1.975.955	98%	2.367.712	76%	1.217.251
Kinh doanh BĐS đầu	4.559	0%	5.423	0%	4.430	4.559	0%	4.843	0%	4.028

	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6T năm 2015	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6T năm 2015
tư										
Chuyển nhượng BĐS	-	-	708.459	26%	-	-	-	708.459	23%	12.492
Hoạt động khác	22.071	1%	1.730	0%	344	19.520	1%	18.970	1%	-
Tổng Doanh thu	1.550.064	100%	2.678.925	100%	1.068.570	2.024.239	100%	3.100.046	100%	1.275.547

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Doanh thu của PCC1 đã đạt tốc độ tăng trưởng rất tốt qua các năm, từ 34% (năm 2013) lên 73% (năm 2014) đối với Công ty mẹ, với quy mô trên 2.000 tỷ đồng, và 44% (năm 2013) lên 53% (năm 2014) đối với Công ty hợp nhất, ở mức quy mô doanh thu trên 3.100 tỷ đồng, thể hiện năng lực sản xuất kinh doanh cũng như khả năng tăng trưởng ngày càng cao của Công ty.

Xây lắp và sản xuất công nghiệp là hoạt động kinh doanh cốt lõi của PCC1, vì vậy, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty, lần lượt trong năm 2013 và 2014 là 89%, 72% tổng doanh thu Công ty mẹ và 98%, 76% tổng doanh thu hợp nhất, tương ứng mức tăng trưởng ấn tượng 38% trong năm 2014. Quy mô doanh thu hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp đạt 1.917 tỷ đồng đối với Công ty mẹ, 2.368 tỷ đồng đối với Công ty hợp nhất, đạt quy mô cao nhất so với các công ty đại chúng có hoạt động tương tự trong ngành điện, qua đó khẳng định vị trí đầu ngành của PCC1 ở Việt Nam hiện nay.

Đóng vai trò lớn thứ 2 trong cơ cấu doanh thu của PCC1 là hoạt động bất động sản, đạt 708 tỷ trong năm 2014, chiếm trên 20% Tổng doanh thu. Đây là toàn bộ doanh thu Công ty ghi nhận từ bán căn hộ của dự án Mỹ Đình Plaza. Tuân thủ các quy định về kế toán, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu ghi hoàn thành và bàn giao dự án. Hoạt động đầu tư bất động sản cần huy động vốn lớn và thời gian triển khai khá dài, Công ty thận trọng trong các quyết định đầu tư và chỉ triển khai từng dự án để đảm bảo sự tập trung và tiến độ. Vì vậy, Công ty không ghi nhận doanh thu nào từ mảng kinh doanh này trong năm 2012, 2013 và ghi nhận doanh thu lớn trong năm 2014.

Doanh thu từ bất động sản đầu tư Công ty thu được từ việc cho thuê văn phòng, thương mại đối với một phần diện tích của dự án Nàng Hương, ổn định ở mức trên dưới 5 tỷ đồng/ năm qua các năm. Từ năm 2015, Công ty ghi nhận thêm doanh thu từ cho thuê diện tích thương mại của dự án Mỹ Đình Plaza. Doanh thu từ bán hàng của PCC1 phát sinh trong hoạt động xây lắp, đối với một số vật liệu xây dựng, hàng hóa phục vụ các dự án, công trình của Công ty và chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong quy mô doanh thu.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã đạt doanh thu 999 tỷ đồng từ xây lắp và sản xuất công nghiệp tại Công ty mẹ, tương đương 52,1% doanh thu cả năm 2014 và 1.217 tỷ đồng tại Công ty hợp

nhất, tương đương 51,4% cả năm 2014. Mặc dù thiếu vắng doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản, nhưng tổng doanh thu của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2015 vẫn đạt mức tương đương 39,9% đối với Công ty mẹ và 41,2% đối với Công ty hợp nhất so với tổng doanh thu cả năm 2014.

Bảng 7: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo các mảng kinh doanh

đơn vị: triệu VND

Lợi nhuận gộp các mảng kinh doanh	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6T 2015	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6T 2015
Bán hàng	5.216	2%	787	0%	-5.216	350	0%	3	0%	-5.216
Xây lắp và sản xuất công nghiệp	186.157	89%	265.493	48%	97.905	410.845	98%	379.190	57%	190.331
Kinh doanh BĐS đầu tư	3.588	2%	1.286	0%	1.862	3.588	1%	1.286	0%	1.862
Chuyển nhượng BĐS	-	-	281.688	51%	-	-	-	281.688	42%	-
Lợi nhuận khác	15.127	7%	274	0%	-	3.502	1%	4.548	1%	4.042
Giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	-	-	977	0%	301	0%	-
Tổng lợi nhuận gộp	210.088	100%	549.528	100%	94.551	419.262	100%	667.017	100%	191.020

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Tương ứng với cơ cấu doanh thu, hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp đóng vai trò chủ chốt trong kết quả lợi nhuận của Công ty, tổng cộng chiếm tới trên 89% lợi nhuận gộp toàn Công ty mẹ và 98% lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2013 và tương ứng 48% Công ty mẹ, 57% Công ty hợp nhất năm 2014. Lĩnh vực bất động sản đóng góp lớn vào lợi nhuận năm 2014, chiếm 51% lợi nhuận gộp Công ty mẹ và 42% lợi nhuận gộp hợp nhất

Biên lợi nhuận gộp đối với lĩnh vực bất động sản đạt 40%, cao nhất trong các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, trong khi hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp có mức biên lợi nhuận gộp khoảng từ 13% đến 14% tại Công ty mẹ và 16% đối với Công ty hợp nhất.

Tính trên toàn Công ty, biên lợi nhuận gộp đạt mức 14% - 21% đối với Công ty mẹ và 20% - 22% đối với Công ty hợp nhất. Đây là mức lợi nhuận cao so với các công ty trong lĩnh vực xây lắp điện. Bất động sản mang lại lợi nhuận cao và đột biến trong Công ty nhưng lợi nhuận này không thường xuyên, chỉ được khi nhận khoảng 3 năm/ lần. Do đó, xét một cách toàn diện, hoạt động xây lắp và sản xuất công nghiệp vẫn đóng vai trò nòng cốt đối với PCC1.

8.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh

8.4.1. Báo cáo tình hình đầu tư và hiệu quả đầu tư

Trong 2 năm gần đây, PCC1 triển khai các dự án đầu tư với tiến độ như sau:

a) Lĩnh vực bất động sản

❖ **Dự án Mỹ Đình Plaza**

Dự án được hoàn thành trong thời gian 2 năm 3 tháng từ tháng 09 năm 2011 đến tháng 12 năm 2013. Công ty đã bàn giao 100% giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sở hữu đất cho khách hàng trong quý III năm 2014, sớm hơn dự kiến 2 tháng và đã hoàn thành quyết toán dự án, ghi nhận 708,5 tỷ đồng doanh thu và 281,7 tỷ đồng lợi nhuận gộp với mức tỷ suất lợi nhuận đạt tới 40%.

❖ **Dự án khu hỗn hợp nhà ở Hà Đông – PCC1**

Dự án được khởi công tháng 9 năm 2014 và hoàn thành xây dựng phần thô cả 4 tòa nhà trong quý I năm 2015. PCC1 dự kiến bàn giao nhà cho khách hàng muộn nhất vào quý I năm 2016. Tính đến tháng 8 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng bán toàn bộ 100% số lượng căn hộ. Doanh thu dự kiến khoảng 470 tỷ đồng.

b) Lĩnh vực đầu tư thủy điện

PCC1 đã thông qua kế hoạch và đang thực hiện triển khai đầu tư 5 nhà máy thủy điện với tổng công suất 162MW, thời gian đầu tư từ năm 2014 đến 2018. Trong đó, năm 2014, Công ty đã khởi công các gói thầu chính của 2 nhà máy thủy điện là: Trung Thu và Bảo Lâm 1 (cùng có công suất thiết kế mỗi dự án 30MW). Trong đó, Công ty đầu tư vào nhà máy thủy điện Trung Thu theo hình thức góp vốn tại CTCP Thủy điện Trung Thu, chủ đầu tư dự án, với giá trị góp vốn 45 tỷ đồng, đã góp đủ, chiếm 60% Vốn điều lệ. Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1 do Công ty trực tiếp làm chủ đầu tư và thực hiện dự án. Dự kiến, hai nhà máy này sẽ hoàn thành và phát điện vào quý IV năm 2016. Hai dự án này được thực hiện từ nguồn vốn tự có và vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Thế Giới (World Bank).

Bên cạnh đó, Công ty hoàn tất hồ sơ pháp lý và vừa khởi công xây dựng các gói thầu chính của nhà máy thủy điện Bảo Lâm 3 (công suất thiết kế 46 MW) trong quý II năm 2015, sử dụng nguồn vốn vay thương mại và vốn tự có của Công ty. Theo dự kiến, nhà máy thủy điện Bảo Lâm 3 sẽ đi vào vận hành và phát điện trong năm 2017.

c) Hoạt động đầu tư khác

Công ty góp đã góp 112,3 tỷ đồng, tương đương 24,8% Vốn điều lệ CTCP Gang thép Cao Bằng. Công ty này dự kiến cho ra sản phẩm từ quý II năm 2015. Nhà máy khai thác mỏ sắt Nà Rạ tại địa bàn phường Tân Giang, thị xã Cao Bằng với tổng trữ lượng đạt hơn 16.700 nghìn tấn quặng sắt, sản lượng khai thác đạt 350.000 tấn tinh quặng sắt/năm. Tổng công suất thiết kế của CTCP Gang thép Cao Bằng là 221.600 tấn phôi thép/năm, doanh thu dự kiến 1.500 tỷ đồng/ năm.

8.4.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Bảng 8: Cơ cấu chi phí theo loại chi phí

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				6 tháng 2015	Hợp nhất				6 tháng 2015
	Năm 2013	% DT	Năm 2014	% DT		Năm 2013	% DT	Năm 2014	% DT	
Chi phí giá vốn	1.339.976	86%	2.129.396	79%	974.018	1.604.977	79%	2.433.029	78%	1.084.527

Chỉ tiêu	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2013	% DT	Năm 2014	% DT	6 tháng 2015	Năm 2013	% DT	Năm 2014	% DT	6 tháng 2015
Chi phí tài chính	36.198	2%	2.887	0%	749	50.776	3%	13.515	0%	5.847
Chi phí bán hàng	14.131	1%	7.198	0%	3.833	75.644	4%	17.739	1%	25.279
Chi phí QLDN	48.068	3%	49.508	2%	20.346	108.987	5%	94.173	3%	50.822
Chi phí thuế TNDN (hiện hành và hoãn lại)	30.399	2%	111.338	4%	18.414	47.853	2%	124.139	4%	27.415
Chi phí khác	1.255	0%	2.710	0%	5	2.846	0%	5.505	0%	319
Tổng chi phí	1.470.027	95%	2.303.036	86%	1.017.365	1.891.083	93%	2.686.101	87%	1.194.209

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Chi phí giá vốn đóng vai trò quan trọng nhất trong tổng chi phí kinh doanh của Công ty, và tỷ lệ % so với doanh thu có xu hướng giảm từ năm 2013 sang năm 2014, chủ yếu do sự đóng góp của mảng kinh doanh bất động sản, có tỷ suất giá vốn/ doanh thu thấp hơn các mảng kinh doanh thường niên khác của PCCI. Ngoài chi phí giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí bán hàng của Công ty đều được kiểm soát tốt, ở mức thấp so với các công ty hoạt động trong ngành xây lắp và bất động sản nói riêng, và các công ty đại chúng nói chung, đồng thời, giữ ở mức ổn định trong khi doanh thu tăng trưởng cao.

Công ty duy trì tình hình tài chính vững chắc, do đó, chi phí lãi vay thấp so với các doanh nghiệp có quy mô tương đương và các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực.

Bảng 9: Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí sản xuất kinh doanh	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6 tháng 2015	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6 tháng 2015
Chi phí nguyên, vật liệu	456.353	27%	430.442	22%	259.906	908.411	44%	991.748	42%	538.630
Chi phí nhân công	85.658	5%	141.575	7%	61.315	219.007	11%	286.166	12%	117.121

Chi phí sản xuất kinh doanh	Công ty mẹ					Hợp nhất				
	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6 tháng 2015	Năm 2013	% tổng	Năm 2014	% tổng	6 tháng 2015
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.915	0%	10.193	1%	6.307	18.403	1%	22.728	1%	11.976
Chi phí dự phòng	59.712	4%	66.090	3%	30.561	99.631	5%	59.200	3%	50.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.034.076	62%	1.285.279	66%	637.358	748.779	36%	948.425	40%	501.079
Chi phí khác bằng tiền	25.009	1%	10.164	1%	5.535	59.265	3%	59.262	3%	30.905
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	1.667.722	100%	1.943.743	100%	1.000.982	2.053.496	100%	2.352.806	100%	1.249.919

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Xét theo yếu tố cấu thành chi phí, chiếm tỷ trọng cao nhất đối với PCC1 chi phí dịch vụ mua ngoài, chiếm tới trên 60% tổng chi phí Công ty mẹ. Một phần hoạt động xây lắp được Công ty mẹ giao cho các công ty con thực hiện, do đó, tỷ lệ chi phí dịch vụ mua ngoài đối với Công ty hợp nhất giảm xuống từ 36% - 40%. Do đặc thù hoạt động xây lắp ngành điện là mỗi dự án kéo dài trong thời gian ngắn, trải rộng nhiều địa điểm khác nhau trên khắp cả nước, do đó PCC1 sử dụng lao động thời vụ hoặc các nhà thầu phụ trong quá trình thi công, xây lắp của Công ty. Lao động trực tiếp của Công ty chủ yếu là những lao động có tay nghề cao, dày dặn kinh nghiệm sẽ phụ trách việc hướng dẫn và giám sát thi công.

Chi phí nguyên vật liệu cũng chiếm tỷ trọng khá cao, trên dưới 25% đối với Công ty mẹ và trên 40% đối với công ty hợp nhất. Thành phần chủ yếu là vật liệu xây dựng trong quá trình thi công xây dựng công trình và đặc biệt là sắt, thép đối với đơn vị sản xuất công nghiệp. Có thể thấy chi phí nguyên vật liệu hợp nhất cao gần gấp đôi Công ty mẹ, nguyên nhân là (i) phản ánh nguyên vật liệu của Công ty TNHH Hyundai – Đông Anh (ii) tại công ty con diễn ra nhiều hoạt động sản xuất trực tiếp, do đó, sử dụng nhiều chi phí nguyên vật liệu. Nhìn chung, chi phí nguyên vật liệu ở mức ổn định so với quy mô doanh thu của công ty.

Ngoài hai loại chi phí trên, chi phí nhân công và dự phòng lần lượt chiếm tỷ trọng từ dưới 5% đến trên 10% tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong đó, chi phí nhân công có sự tăng trưởng nhẹ trong năm 2014, cho thấy Công ty đã sử dụng lao động nhiều hơn trong sản xuất kinh doanh. Chi phí dự phòng của PCC1 là khoản dự phòng bảo trì, bảo hành đối với các công trình xây lắp của Công ty, chi phí và thời gian bảo hành tùy thuộc vào từng công trình, trung bình ở mức 2% giá trị xây lắp với thời gian bảo hành là 2 năm.

8.5. Kỹ thuật công nghệ

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của Công ty liên tục được đào tạo bổ sung nghiệp vụ và học tập nâng cao kiến thức chuyên sâu, trong đó, 100% cán bộ thuộc các ban Chỉ huy Công trình đã được đào tạo nghiệp vụ Tư vấn Giám sát. Công tác quản lý kỹ thuật, hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị, bảo dưỡng định kỳ được quản lý khoa học và hiệu quả. Việc nghiệm thu bàn giao công trình, hoàn công, thanh toán thu hồi vốn các công trình đều được thực hiện đúng tiến độ kế hoạch của Công ty, mang lại uy tín cao cho PCC1 trong các lĩnh vực hoạt động.

Hình 7 : Khinh khí cầu mang theo dây mồi chuẩn bị bay vượt sông



Công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, để hiện đại hóa thiết bị thi công, cải tiến kỹ thuật của Công ty đạt những thành tựu đáng ghi nhận như:

- Chế tạo và vận hành đồng bộ hệ thống khinh khí cầu điều khiển từ xa: ưu điểm của hệ thống này là giúp đẩy nhanh tiến độ thi công, hạn chế tối đa tổn thương đối với dây dẫn, dây cáp quang - đặc biệt là dây siêu nhiệt, hạn chế tối đa việc chặt phá hành lang tuyến và đền bù thi công... Hệ thống này đặc biệt rút ngắn thời gian và chi phí khi kéo dây qua sông, thung lũng, núi cao. Mặt khác, các đơn vị thi công trong ngành khác khó ứng dụng được công nghệ này do vốn đầu tư ban đầu lớn (1,5 triệu USD để nhập khẩu những thiết bị chính), thủ tục cấp phép bay phức tạp (phải thông qua Bộ Quốc Phòng và Bộ Công An cho từng công trình), quá trình vận chuyển nghiêm ngặt. Do đó, ứng dụng thành công hệ thống khinh khí cầu trong thi công kéo dây là ưu thế rất lớn cho PCC1 trong lĩnh vực xây lắp điện.
- Máy thổi khí khô, xuất phát từ Công ty TNHH MTV Xây lắp điện I – Hoàng Mai, đưa Công ty trở thành đơn vị đầu tiên trong cả nước sử dụng thiết bị để xử lý cách điện ẩm của máy biến áp và các thiết bị điện 500kV và áp dụng thành công tại các Trạm Biến Áp 500kV Quảng Ninh, Thường Tín, Ô Môn, ... giúp Công ty tiết kiệm được nhiều chi phí so với việc nhập thiết bị từ nước ngoài.
- Công ty TNHH Chế tạo cột thép Đông Anh – Hyundai chế tạo thành công đồ gá để mạ cột thép đơn thân có đường kính lớn, đảm bảo chính xác các thông số kỹ thuật.

Công ty cổ phần Xây lắp điện I được Tổ chức đánh giá ISO BSI công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2008.

8.6. Hoạt động marketing

Có lĩnh vực kinh doanh cốt lõi mang tính đặc thù cao: xây lắp, sản xuất thiết bị ngành điện, PCC1 định hướng xây dựng hình ảnh và uy tín của Công ty trên cơ sở chứng minh năng lực vượt trội của mình, đối với cả 3 tiêu chí chính: (i) chất lượng thi công xây lắp: áp dụng công nghệ kỹ thuật cao (ii) tiến độ: không những hoàn thành kế hoạch hoặc hợp đồng mà còn hoàn thành bàn giao sớm hơn kế hoạch và (iii) quy mô: PCC1 là đơn vị thi công xây lắp điện duy nhất có khả năng ký hợp đồng tổng thầu EPC. Tại Công ty mẹ, phòng Phát triển thị trường phụ trách công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm, lập hồ sơ dự thầu cho các gói thầu thi công xây lắp, thương thảo để ký kết các hợp đồng kinh tế với Chủ đầu tư và đơn vị thầu phụ. Ngoài ra, phòng Kinh tế kế hoạch phụ trách nghiên cứu các dự án phát triển dài hạn cho Công ty.

Đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Công ty TNHH Hyundai Đông Anh trực tiếp xây dựng mối quan hệ với đối tác nước ngoài để đưa sản phẩm của mình ra thị trường xuất khẩu.

Đối với lĩnh vực bất động sản, Công ty hợp tác với đơn vị có nhiều kinh nghiệm phân phối trên thị trường, ví dụ Sàn bất động sản Đất xanh miền Bắc để mở bán Dự án PCC1 Complex.

8.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của công ty như sau:



8.8. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

a) Các công trình đã thực hiện

Bảng 10: Các công trình đã thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Thời điểm ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm/ Dịch vụ
1	ĐZ 500KV Quảng Ninh-Hiệp Hòa Lô 8.3	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN TRUNG	12/2011	194.000.000.000	12/2013	Xây lắp điện
2	ĐZ 500KV Quảng Ninh-Hiệp Hòa Lô 8.4	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN TRUNG	12/2011	163.686.000.000	12/2013	Xây lắp điện
4	TBA 220/110KV Phú Bình (Yên Bình) và các ĐZ đấu nối 220, 110kV	BAN QLDA LƯỚI ĐIỆN	05/2014	285.980.796.666	02/2015	Xây lắp điện
5	EPC di dời lưới điện qua khu	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KINH DOANH	09/2011	203.255.866.863	03/2015	Xây lắp điện

TT	Tên hợp đồng	Đối tác	Thời điểm ký kết	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm/ Dịch vụ
	Nhà Bè Metrocity	ĐIỆN LỰC TP HCM				

Nguồn: Công ty CP Xây lắp Điện I

b) Các công trình đang thực hiện

Bảng 11: Các công trình đang thực hiện

TT	Tên hợp đồng	Chủ đầu tư	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Dự kiến hoàn thành	Sản phẩm/ Dịch vụ
1	ĐZ 500kV NĐ Duyên Hải - Mỹ Tho (NDP2-G16)	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM	06/2014	267.920.780.281	12/2015	Xây lắp điện
2	Gói 3 - Cung cấp VTTB, xây lắp ĐZ 220 kV Cát Lái - Công nghệ Cao	BAN QLDA LƯỚI ĐIỆN TP HỒ CHÍ MINH	04/2015	266.989.000.000	10/2015	Xây lắp điện
3	Đz 500 kV NĐ Long Phú - Ô Môn gói 4 CCCT mạ kẽm	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM	03/2015	235.020.164.153	02/2016	Xây lắp điện
4	ĐZ 220kV Bến Tre - Mỏ Cày	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM	12/2013	186.223.161.715	06/2015	Xây lắp điện
5	Gói 3 lô 3.2 TBA 500kV Phố Nối và ĐZ đầu nối	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC	12/2014	227.600.000.000	09/2015	Xây lắp điện
6	Gói 3 lô 3.3 TBA 500kV Phố Nối và ĐZ đầu nối	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC	12/2014	163.540.503.166	09/105	Xây lắp điện
7	Gói 4 dự án Trạm 500 kV Pleiku 2	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN TRUNG	05/2015	162.884.749.731	06/2016	Xây lắp điện
8	ĐZ 500kV NĐ Long Phú - Ô Môn Gói 08 (VT116-VT146)	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM	06/2014	165.750.000.000	04/2016	Xây lắp điện

TT	Tên hợp đồng	Chủ đầu tư	Ngày hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Dự kiến hoàn thành	Sản phẩm/ Dịch vụ
9	Cung cấp cột thép ĐZ 500/220kv Bắc Ninh 2 - Phố Nối và ĐZ đấu nối TBA 500kV Phố Nối	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC	08/2013	143.138.862.555		Cung cấp cột thép
10	Gói 1 lô 1.1 và 1.4 Cung cấp cột thép ĐZ 500kV Sơn La - Lai Châu	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN BẮC	09/2014	123.502.924.417		Cung cấp cột thép
11	Lô 1.2 cung cấp cột thép ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN TRUNG	10/2014	32.883.309.552		Cung cấp cột thép
12	Đz 500 kV NĐ Long Phú - Ô Môn gói 4 cung cấp cột thép mạ kẽm	BAN QLDA CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỆN MIỀN NAM	03/2015	235.020.164.153		Cung cấp cột thép

Nguồn: Công ty CP Xây lắp Điện I

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 12: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ từ năm 2013 - nay

đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			
	2013	2014	% thay đổi	6 tháng 2015
Tổng giá trị tài sản	1.760.176	1.600.400	-9%	1.872.670
Doanh thu thuần	1.550.064	2.678.925	73%	1.068.570
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	126.222	516.802	309%	84.705
Lợi nhuận khác	4.758	1.917	-60%	8

Lợi nhuận trước thuế	130.980	518.719	296%	92.444
% LNTT/DTT	8,45%	19,36%	129%	8,65%
Lợi nhuận sau thuế	100.581	407.381	305%	74.031
% LNST/ DTT	6,49%	15,21%	134%	6,93%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35,79%	9,87%	-72%	n/a

Nguồn: BCTC Công ty mẹ đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Bảng 13: Một số chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty hợp nhất từ năm 2013 - nay

đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			
	2013	2014	% thay đổi	6 tháng 2015
Tổng giá trị tài sản	2.120.463	2.078.043	-2%	2.560.796
Doanh thu thuần	2.024.239	3.100.046	53 %	1.275.547
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	185.739	549.299	196%	115.810
Lợi nhuận khác	4.574	-557	-112 %	7
Lợi nhuận trước thuế	190.313	548.876	188%	123.050
% LNTT/DTT	9,40%	17,71%	88%	9,65%
Lợi nhuận sau thuế	142.460	424.737	198%	95.635
Lợi nhuận sau thuế thuộc cổ đông công ty mẹ	139.366	423.391	204%	93.923
% LNST/DTT	7,04%	13,70%	95%	7,50%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	25,83%	9,49%	-63 %	n/a

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2014 so với năm 2013 tăng 282,3 tỷ đồng, tương đương 198% đối với Công ty hợp nhất và 306,8 tỷ đồng tương đương 305% đối với Công ty mẹ, đây là mức tăng trưởng cao so với các Doanh nghiệp khác. Kết quả này là do lĩnh vực đầu tư bất động sản (dự án Mỹ Đình Plaza) đem lại lợi nhuận cao, mặt khác, đối với mảng kinh doanh khác, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong tìm kiếm hợp đồng, công trình mới để tăng doanh thu, đồng thời, kiểm soát chặt chẽ hơn chi phí để giảm giá thành sản xuất.

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế so với doanh thu đều có sự cải thiện đáng kể đối với cả Công ty mẹ và hợp nhất, từ mức xấp xỉ 7% của năm 2013 lên mức từ trên 13% (Công ty mẹ) đến trên 13,7% (Hợp

nhất) năm 2014. Tính cho 6 tháng năm 2015, chỉ tiêu này tại Công ty hợp nhất không bằng năm 2014 do thiếu vắng doanh thu và lợi nhuận từ mảng bất động sản, tuy nhiên đã có sự cải thiện, tăng gần 0,5% so với năm 2013, là năm có cơ cấu hoạt động kinh doanh tương đương. Lợi nhuận sau thuế trong 6 tháng đầu năm 2015 ở mức 95,7 tỷ đồng đã hoàn thành 64% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2015.

Trong năm 2014, tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức của Công ty giảm do phải chuẩn bị nguồn tiền thực hiện các kế hoạch đầu tư của Công ty trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, tỷ lệ cổ tức trên Vốn điều lệ năm 2014 vẫn đạt mức 20%.

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

a) Thị trường

Với nhu cầu về điện năng ngày càng tăng, Chính phủ đã phải đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào hệ thống trạm biến áp và đường dây truyền tải điện trong những năm qua. Theo số liệu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), trong giai đoạn 2011-2015 Tập đoàn đã tập trung các nguồn lực vào đầu tư, phát triển các nhà máy điện, lưới điện theo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia và Quy hoạch điện lực của các địa phương với tổng nguồn vốn 479.620 tỷ đồng, gấp 2,37 lần so với giai đoạn 5 năm trước. Là một trong những doanh nghiệp đầu ngành trong hoạt động xây lắp điện, chiếm lĩnh thị trường tiềm năng này, tăng trưởng đầu tư cho ngành đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho PCC1.

Dù gặp những khó khăn như các chủ đầu tư ngày càng có những yêu cầu năng lực khắt khe đối với nhà thầu, Công ty đã làm tốt công tác thị trường với việc ký kết các hợp đồng mới với giá trị trên 2000 tỷ đồng. Cụ thể, các hợp đồng của Công ty đa dạng từ đấu thầu các công trình 500KV, 220KV quan trọng của Tập đoàn Điện lực đến các hợp đồng liên kết với các đối tác nước ngoài, các chủ đầu tư ngoài ngành điện. Năng lực và uy tín của Công ty ngày càng được khẳng định và nâng cao làm tiền đề để Công ty tham gia và thực hiện các dự án tổng thầu EPC như Trạm biến áp 110KV Yên Phong 3 và đấu nối; Công trình đưa điện ra đảo Ngọc Vũng - Thắng Lợi.

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, thị trường bất động sản đã bắt đầu có dấu hiệu hồi phục từ những tháng cuối năm 2013. Trong năm 2014, thị trường tiếp tục đà phục hồi tích cực, thể hiện qua lượng giao dịch tăng, giá cả tương đối ổn định; lượng tồn kho bất động sản tiếp tục giảm, cơ cấu hàng hóa bất động sản chuyển dịch theo hướng hợp lý, phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường. Tăng trưởng tín dụng bất động sản cao hơn mức tăng trưởng tín dụng chung. Mặt bằng giá cả nhà ở nhìn chung là ổn định, nhiều dự án trong giai đoạn 2011-2013 giá đã giảm sâu (trên 30%). Sang năm 2014, giá nhà đã ổn định và không còn tiếp tục giảm. Tại Hà Nội, một số dự án có vị trí tốt, đã hoàn thành hoặc sắp đưa vào sử dụng giá có tăng nhẹ khoảng từ 1% đến 2% so với năm 2013. Cùng với các tín hiệu lạc quan nói trên, gói tín dụng ưu đãi 30.000 tỷ đồng của Chính phủ cũng đã giúp cho thị trường bất động sản trở lên sôi động hơn. Tính đến 31/05/2015, gói hỗ trợ tín dụng này đã đạt được tổng số tiền cam kết cho vay đối với khách hàng là 14.161 tỷ đồng, tương ứng với gần 50% tổng gói hỗ trợ. Thực tế đã có 17.624 hộ gia đình, cá nhân được giải ngân vốn vay với số tiền 5.520 tỷ đồng; 33 dự án đã được giải ngân với số tiền 2.101 tỷ đồng. Cùng với sức nóng thị trường, các dự án bất động sản của Công ty cũng đạt kết quả kinh doanh rất khả quan, khẳng định chiến lược đầu tư của Công ty đã phát huy hiệu quả cao.

b) Ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất

Từ năm 2013, Công ty đã bắt đầu đưa vào vận hành đồng bộ hệ thống khí cầu điều khiển từ xa, từ đó giúp đẩy nhanh tiến độ thi công, hạn chế tối đa tổn thương đối với dây dẫn, dây cáp quang -

đặc biệt là dây siêu nhiệt, hạn chế tối đa việc chặt phá hành lang tuyến và đền bù thi công. Hệ thống này đặc biệt rút ngắn thời gian và chi phí khi kéo dây qua sông, thung lũng, núi cao.. Công ty là đơn vị đầu tiên trong cả nước chế tạo và đưa vào áp dụng thành công máy thổi khí khô để xử lí cách điện ẩm của máy biến áp và các thiết bị điện 500kV. Thông qua việc áp dụng những công nghệ hiện đại nói trên vào hoạt động xây lắp điện, Công ty đã nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ đồng thời tiết kiệm chi phí sản xuất, qua đó tăng tính cạnh tranh trên thị trường.

Hiện nay, Công ty là đơn vị sản xuất kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng có quy mô và công nghệ hiện đại nhất Việt Nam. Năng lực thiết kế và sản xuất sản phẩm cột điện của công ty được chứng minh qua các công trình điện, công trình viễn thông, giao thông trong nước và xuất khẩu sang các nước như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Chi Lê... Công ty là đơn vị duy nhất tại Việt nam có năng lực vừa thiết kế, vừa chế tạo cột thép đơn thân 110kV, 220kV - 1, 2, 4 mạch. Các sản phẩm của Công ty luôn được các nhà thầu và chủ đầu tư đánh giá cao.

c) Nguyên vật liệu

Thép là nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong hoạt động sản xuất công nghiệp của Công ty. Trên thị trường thép thế giới, giá cả nguyên liệu này tiếp tục có xu hướng giảm trong thời gian vừa qua. Biểu đồ giá thép thế giới từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 3 năm 2015 cho thấy giá thép đã giảm mạnh trong vòng 12 tháng qua.

Hình 3: Chỉ số giá thép thế giới từ tháng 3/2014 đến tháng 3/2015



Nguồn: Homesteel

Với thị trường trong nước, các thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam cho thấy tăng trưởng của ngành năm 2014 đạt khoảng 12%. Tuy nhiên, so với công suất lắp đặt, lượng thép sản xuất mới chiếm khoảng 50%. Mặt bằng giá thép đã giảm khoảng 15-20% trong năm vừa qua. Trong khi các chi phí sản xuất khác như khấu hao, nhân công được duy trì ổn định thì xu hướng giảm của giá thép đầu vào đã giúp cho Công ty có những lợi thế nhất định trong hoạt động sản xuất công nghiệp.

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

10.1. Vị thế của công ty trong ngành

PCC1 là đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp điện, với 50 năm kinh nghiệm, đã xây lắp hàng nghìn km đường dây tải điện và hàng trăm trạm biến áp ở các cấp điện áp 500kV, 220kV, 110kV. Hiện tại PCC1 đang đứng đầu về quy mô sản lượng, doanh thu trong lĩnh vực xây lắp điện.

Công ty tham gia vào hầu hết các dự án truyền tải điện lớn và khó khăn nhất của Việt Nam như ĐZ 500kV Bắc-Nam mạch 1, mạch 2; ĐZ 500kV Sơn La-Hòa Bình & Sơn La-Nho Quan; ĐZ 500kV Sơn

La-Hiệp Hòa; các TBA 500kV Hiệp Hòa, TBA 500kV Đắc Nông, TBA 500kV Đà Nẵng, TBA 500kV Tân Định, TBA 500kV Quảng Ninh.

Năng lực thi công các dự án truyền tải điện của Công ty đã được khẳng định khi thực hiện thành công các dự án tổng thầu EPC các công trình: Dự án Ngăn lộ TBA 220kV Bắc Giang và ĐZ 110kV Bắc Giang - Quang Châu; dự án TBA 110kV Núi Pháo (Thái Nguyên); dự án ĐZ 220kV vượt xa lộ Hà Nội (TP. HCM); ĐZ 500kV di dời lưới điện qua khu Nhà Bè MetroCity (TP.HCM).

PCC1 đang là doanh nghiệp có quy mô lớn nhất Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất kết cấu thép mạ kẽm và cũng là đơn vị duy nhất tại Việt Nam có năng lực vừa thiết kế, chế tạo cột thép liên kết thanh đến 750kV và cột điện đơn thân 110kV, 220kV-1, 2, 4 mạch. Các sản phẩm này không chỉ phục vụ công trình điện, công trình viễn thông, giao thông trong nước mà còn xuất khẩu sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Pakistan và Ấn Độ.

Đối với lĩnh vực bất động sản, PCC1 tập trung vào phân khúc nhà ở dành cho người có thu nhập trung bình. Mặc dù không phải là doanh nghiệp có quy mô lớn trên thị trường, các dự án của PCC1 có vị trí thuận lợi, luôn đạt hiệu quả cao khi mở bán. Với thực tế triển khai 03 dự án trong những năm qua, PCC1 cũng đã khẳng định được uy tín của mình trước khách hàng, nhà đầu tư, dự án của PCC1 luôn được thị trường quan tâm, tiêu thụ trong thời gian ngắn.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành xây dựng tiếp tục có những tín hiệu phục hồi khả quan. Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng ngành năm 2014 đạt 6.30%, cao hơn mức tăng 5,34% của năm 2013 và cao hơn tăng trưởng GDP là 5,62%. Giá trị sản xuất xây dựng năm 2014 ước tính tăng 7,6% so với năm 2013. Bên cạnh thị trường bất động sản dần phục hồi, dòng vốn FDI tăng tích cực, trong năm 2014 ước đạt 20,23 tỷ USD, và FDI giải ngân đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm 2013, dòng tiền này sẽ tiếp tục hỗ trợ phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng.

Năm 2015, đầu tư ngành điện tiếp tục tăng trưởng, đầu tư lưới điện theo kế hoạch EVN là 36.422 tỷ đồng, tăng 1,56% so với năm 2014. Khả năng cung cấp điện và đáp ứng tài chính của EVN được đảm bảo. Đầu tư các nhà máy điện và một số khu công nghiệp lớn vẫn tiếp tục tăng trưởng.

Hoạt động tín dụng ngân hàng ổn định, lãi suất thấp và có nhiều ưu đãi cho sản xuất kinh doanh và đầu tư dự án.

10.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Chiến lược phát triển của Công ty được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành cũng như chính sách của Nhà nước. Mặc dù năm 2014 là một năm khó khăn, nhưng Công ty đã đảm bảo tốt công tác xây lắp và sản xuất công nghiệp, đáp ứng nhu cầu cho khách hàng về tiến độ và chất lượng, đẩy mạnh công tác đấu thầu, khai thác thị trường để tìm kiếm công việc mới, tạo mối quan hệ tốt với chủ đầu tư và khách hàng.

Ngoài ra, Công ty đã đảm bảo được tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, tài sản, và rất chú trọng công tác kiểm soát, thành lập các đoàn kiểm tra để rà soát, đánh giá thực trạng một số Công ty trong hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các mặt còn tồn tại, yếu kém để công tác đầu tư có hiệu quả hơn. Công ty sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng chiến lược 2015 – 2020 và tầm nhìn 2030, tập trung vào các dự án xây lắp và sản xuất công nghiệp then chốt, các dự án thủy điện để tạo nguồn tiền ổn định trong dài hạn.

11. Chính sách đối với người lao động

Tổng số cán bộ, nhân viên của công ty tại năm 2014 là 1.248 người.

Bảng 14: Phân loại lao động theo trình độ

Trình độ	Số lượng (31/12/2014)
1. Trên đại học	9
2. Đại học	382
3. Cao đẳng	81
4. Trung cấp	97
5. Khác (Lao động phổ thông)	679
Tổng cộng	1.248

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Thu nhập người lao động tiếp tục được nâng cao, thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 10.182.564 đồng/ người/ tháng, vượt 7% so với kế hoạch năm đề ra, bằng 114% so với thu nhập bình quân năm 2013, tiền lương và bảo hiểm đều được chi trả kịp thời.

Công tác tuyển dụng, đào tạo được chú trọng nhằm hướng tới chất lượng nguồn nhân lực. Phong trào thi đua, công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được phát triển. Bên cạnh đó, Công ty cũng hoàn thiện việc xây dựng các tiêu chí đánh giá các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng phù hợp, tạo động lực cho CBNV tích cực tham gia đóng góp vào quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; chú trọng tăng cường hoạt động của Hội đồng xét duyệt sáng kiến, nhằm khen thưởng kịp thời những cá nhân có sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, cải tiến quản lý áp dụng vào sản xuất, quản lý của đơn vị.

12. Chính sách cổ tức

Bảng 15: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

	2012	2013	2014	2015 (dự kiến)
Tỷ lệ cổ tức (% Vốn điều lệ)	20,77%	20%	20%	15%

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Chi tiết về tỉ lệ cổ tức trong các năm gần nhất:

- Tháng 07 năm 2013, Công ty đã công bố thông tin phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2012 với tỷ lệ 20,77% (tương đương 27 tỷ đồng) và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 10% (tương đương 13 tỷ đồng).
- Tháng 4 năm 2014, Đại hội Đồng cổ đông đã có quyết định mức trả cổ tức năm 2013 bằng 20% vốn Điều lệ, trong đó trả bằng tiền là 15 tỷ (tương đương 8,33% vốn điều lệ), bằng cổ phiếu là 21 tỷ (tương đương 11,67% vốn điều lệ), nâng mức vốn góp của chủ sở hữu lên 201 tỷ đồng.
- Tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015, Công ty đã thông qua mức trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ.

13. Tình hình tài chính

13.1. Chỉ tiêu cơ bản về tài sản và nguồn vốn

a) Nguồn vốn kinh doanh, vốn điều lệ

Bảng 16: Cơ cấu nguồn vốn kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
I	Nợ phải trả	1.373.698	826.045	1.030.311	1.624.181	1.177.806	1.532.840
1	Nợ ngắn hạn	1.373.530	825.874	877.960	1.623.978	1.071.017	1.175.269
2	Nợ dài hạn	168	171	152.351	203	106.789	357.571
II	Vốn chủ sở hữu	386.478	774.355	842.360	462.341	863.832	940.244
III	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	33.940	36.405	87.711
	Tổng nguồn vốn	1.760.176	1600.400	1.872.670	2.120.463	2.078.043	2.560.796

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Trong năm 2013, nguồn tài trợ chủ yếu cho hoạt động kinh doanh của Công ty là nợ ngắn hạn, chiếm đến 70% cơ cấu nguồn vốn của PCCI, chủ yếu từ các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước và vay ngắn hạn, đây là nguồn vốn lưu động Công ty tận dụng được khi thực hiện thi công xây lắp công trình. Sang năm 2014, cơ cấu nguồn vốn có sự dịch chuyển quan trọng, PCCI sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu hoàn trả vốn vay và một phần phải trả người bán. Đồng thời, Công ty giải quyết đáng kể khoản người mua trả tiền trước trong năm 2014 (giảm gần 600 tỷ), chủ yếu do khoản tiền được người mua đóng tiền theo tiến độ (khi ký hợp đồng) được quyết toán năm 2014 (khi Công ty bàn giao nhà). Một số khoản nợ trả cuối năm như phải trả người bán, thuế và các khoản nộp nhà

nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, các khoản phải trả phải nộp khác, dự phòng phải trả ngắn hạn tăng so với năm 2013 để tài trợ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong năm 2014. Nợ dài hạn đối với Công ty hợp nhất tăng 106,6 tỷ đồng do khoản vay dài hạn ngân hàng đối với Dự án Thủy điện Trung thu đang trong quá trình thi công các hạng mục chính.

Tăng trưởng vốn chủ sở hữu (khoảng xấp xỉ 87% đối với công ty hợp nhất và 100% đối với Công mẹ trong năm 2014) là từ nguồn lợi nhuận để lại, Công ty không huy động thêm vốn từ cổ đông trong năm. Chi tiết nguồn vốn chủ sở hữu của công ty như sau:

Bảng 17: Tình hình vốn chủ sở hữu

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Vốn chủ sở hữu thuộc Công ty mẹ	386.478	774.355	842.369	462.341	863.832	940.244
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	180.000	201.000	201.000	180.000	201.000	201.000
Thặng dư vốn cổ phần	4.726	4.726	4.726	4.726	4.726	4.726
Vốn khác của chủ sở hữu	4.750	6.625	9.137	5.012	6.887	9.399
Cổ phiếu quỹ	-	-4	-4	-	-4	-4
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	433	433	433
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-1.203	1.104	-3.754
Quỹ đầu tư phát triển	14.654	18.404	39.244	15.827	20.802	45.303
Quỹ dự phòng tài chính	12.066	15.816	-	12.916	17.586	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	170.282	527.789	588.256	244.631	611.298	683.141
Lợi ích cổ đông thiểu số	n/a	n/a	n/a	33.940	36.405	87.711

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 201.000.000.000 đồng. Từ năm 2014 đến nay, Công ty không tăng vốn điều lệ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chiếm khoảng 70% cơ cấu vốn chủ sở hữu của Công ty.

b) Tài sản

Bảng 18: Tình hình tài sản của Công ty 2 năm gần nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.503.522	1.154.887	1.302.765	1.878.738	1.610.498	1.928.054
Tiền và các khoản tương đương tiền	180.530	357.373	154.757	284.960	414.908	255.692
Các khoản phải thu ngắn hạn	731.956	364.079	675.561	870.717	537.982	812.613
Hàng tồn kho	588.418	422.855	458.457	702.196	626.061	750.545
Tài sản ngắn hạn khác	2.619	10.580	13.990	20.865	31.547	109.204
TÀI SẢN DÀI HẠN	256.654	445.513	569.906	241.725	467.545	632.742
Tài sản cố định	32.674	110.215	187.228	91.225	238.240	415.854
Bất động sản đầu tư	9.768	91.845	89.798	9.768	91.845	89.798
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	202.697	237.663	286.625	116.440	117.680	113.069
Tài sản dài hạn khác	11.515	5.791	6.255	19.850	16.819	14.021
Lợi thế thương mại	-	-	-	4.442	2.961	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.760.176	1.600.400	1.872.670	2.120.463	2.078.043	2.560.796

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Quy mô tổng tài sản năm 2014 giảm 2% đối với Công ty hợp nhất và 9% đối với Công ty mẹ.

Khoản phải thu ngắn hạn (chiếm trên 40% cơ cấu tổng tài sản năm 2013) giảm mạnh hơn 300 tỷ đồng, tạo nguồn tiền Công ty quyết toán các khoản phải trả khác.

Do có những cải tiến kỹ thuật, công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình được đẩy nhanh đáng kể. Giá trị hàng tồn kho (chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) được giải phóng, kéo theo tổng tài sản hợp nhất giảm 2% so với năm 2013. Công tác thu hồi vốn năm 2014 được duy trì và hoạt động tốt, đặc biệt là Công ty không có trường hợp nào bị nợ đọng, nợ xấu, dòng tiền duy trì khỏe mạnh.

Đối với tài sản dài hạn, chi phí xây dựng dở dang đối với một số dự án Công ty đang triển khai như: PCC1 Complex, thủy điện.

Do các biến động trên, tỷ trọng Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản năm 2014 so với năm 2013 giảm đáng kể.

13.2. Chính sách tài chính khác

a) Trích khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình của Công ty được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

b) Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của toàn Công ty trong năm 2014 đạt 10.182.564 đồng/tháng, tăng 14% so với năm 2013, 8.930.000 đồng. Mức lương bình quân này được đánh giá là tương đối cao so với doanh nghiệp trong ngành, phù hợp với kinh nghiệm và trình độ của lao động Công ty.

c) Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty thanh toán đúng và đầy đủ các khoản nợ đến hạn, không có nợ quá hạn tính đến thời điểm 31/12/2014 và thời điểm lập Bản cáo bạch này.

d) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 19: Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Thuế Giá trị gia tăng	17.572	-	9.445	30.283	9.414	14.915
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	27.981	43.183	18.897	43.607	52.138	26.756
Thuế Thu nhập cá nhân	214	392	506	582	543	666
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	170	44.266	37.559	170	44.266	37.559
Các loại thuế khác	-		180	-	-	180
Tổng cộng	45.937	87.841	66.588	74.743	106.362	80.077

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

e) Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty đã trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Bảng 20: Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Quỹ đầu tư phát triển	14.654	18.404	39.244	15.827	18.404	45.303
Quỹ dự phòng tài chính	12.066	15.815	-	12.916	15.815	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.542	5.807	11.007	7.307	5.807	20.679
Tổng	31.262	40.026	50.251	36.050	40.026	65.982

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

13.3. Tổng dư nợ vay

Công ty không có nợ quá hạn tại ngày 31/12/2014 và 30/06/2015, chi tiết vay nợ ngắn và dài hạn như sau:

a) Vay và nợ ngắn hạn

Bảng 21: Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị: Triệu đồng

Đối tượng	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	130.374	-	18.651	221.460	73.427	63.326
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	30.493	-	8.000	30.493	3.236	52.707
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	52.966	-	-	62.787	5.511	4.080
Ngân hàng TMCP Quân đội	35.015	-	4.154	40.883	3.843	4.524
Ngân hàng ngoại thương Việt Nam	-	-	3.711	-	-	3.711
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	-	-	-	17.885	22.115	27.177
Đối tượng khác	-	-	-	13.064	7.150	11.221
Tổng cộng	248.848	-	34.516	386.573	115.283	166.746

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

b) Vay và nợ dài hạn

Tại ngày 31/12/2014, Công ty mẹ không có vay nợ dài hạn. Đến ngày 30/06/2015, Công ty mẹ có một khoản vay dài hạn là 46.107.086.614 VNĐ từ Ngân hàng TMCP Công thương Hà Tây, là khoản vay khi triển khai dự án Thủy điện Bảo Lâm 1.

Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty hợp nhất có khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 74.357.198.239 VNĐ. Tại ngày 30/06/2015, Công ty hợp nhất có khoản vay dài hạn ngân hàng là 211.578.386.864 đồng, trong đó vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam 165.471.300.250 đồng, vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam 46.107.086.614 đồng.

13.4. Tình hình công nợ hiện nay

a) Nợ phải thu

Bảng 22: Các khoản nợ phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Phải thu của khách hàng	681.317	245.753	431.740	827.664	364.122	522.464
Trả trước cho người bán	47.531	119.289	233.861	53.115	164.439	274.064
Các khoản phải thu khác	11.370	8.149	16.320	14.087	19.696	22.728
Dự phòng khó đòi	-8.262	-9.112	-6.360	-24.149	-10.276	-6.644

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

b) Nợ phải trả

Bảng 23: Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015	31/12/2013	31/12/2014	30/06/2015
Phải trả người bán	350.379	422.746	338.248	326.526	445.487	386.975
Người mua trả tiền trước	613.866	21.566	255.590	620.112	33.727	276.509
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	45.937	87.841	66.588	74.643	106.362	80.077
Phải trả nhân viên	20.198	40.369	15.499	46.637	69.455	34.068
Chi phí phải trả	1.459	81.160	66.963	18.225	89.953	76.387
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.127	38.110	41.518	41.643	55.173	60.310
Dự phòng phải trả ngắn hạn	66.172	128.274	48.030	102.311	142.873	73.517
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.543	5.808	11.007	7.307	12.705	20.679

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

14. Các chỉ tiêu hiệu quả hoạt động

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Công ty mẹ				Hợp nhất			
	2013	2014	% tăng giảm	6 tháng 2015	2013	2014	% tăng giảm	6 tháng 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán								
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,09	1,40	27,75%	1,48	1,16	1,50	29,98%	1,52
Hệ số thanh toán nhanh	0,67	0,89	33,04%	0,96	0,72	0,92	26,87%	0,93
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn								
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,78	0,52	-33,86%	0,55	0,77	0,57	-26,00%	0,59
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,55	1,07	-69,99%	1,22	3,51	1,36	-61,19%	1,59
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động								
Vòng quay hàng tồn kho	2,96	4,21	42,15%	2,21	2,83	3,66	29,33%	1,57
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,88	1,67	90,08%	0,57	0,95	1,49	56,27%	0,42
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời								
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	6,49%	15,21%	8,72%	6,93%	7,04%	13,70%	6,66%	8,97%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	26,02%	52,61%	26,58%	8,79%	30,81%	49,17%	18,36%	10,17%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	5,71%	25,45%	19,74%	3,95%	6,72%	20,44%	13,72%	3,79%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	8,14%	19,29%	11,15%	7,93%	9,18%	17,72%	8,54%	11,59%
Thu nhập trên cổ phần EPS (đồng/ cổ phiếu)	5.004	20.268	305%	3.683	6.934	21.064	204%	4.673

Nguồn: BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất đã được kiểm toán năm 2013 và 2014, BCTC Công ty mẹ và Hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2015 của CTCP Xây lắp Điện I

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2014 là 1,5 lần, cao hơn so với năm 2013. Chỉ số này phản ánh mỗi 1 đồng nợ của Công ty được đảm bảo bằng 1.5 đồng tài sản. Trong 2 năm 2013-2014, chỉ số thanh toán ngắn hạn đều lớn hơn 1, cho thấy công ty đang chủ động trong việc kiểm soát thanh toán các khoản nợ. Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có và hạn chế tối đa các khoản vay, nợ vay ngắn hạn năm 2014 giảm xuống còn 115 tỷ (so với năm 2013 là 386 tỷ).

Hệ số thanh toán nhanh đạt mức 0,92, cao hơn so với Trung bình ngành là 0.7. Nguyên nhân là do năm 2014, các khoản tiền và tương đương tiền tăng gấp đôi so với năm 2013.

Hệ số Nợ/ Tổng tài sản giảm xuống còn 57% do các khoản nợ giảm đáng kể, chủ yếu là giảm vay ngắn hạn và người mua trả tiền trước của dự án Mỹ Đình Plaza.

Vòng quay hàng tồn kho tăng lên 3,66 năm 2014, phản ánh tốc độ bán hàng giải phóng hàng tồn kho được đẩy mạnh, tránh bị đọng vốn.

Doanh thu thuần/ Tổng tài sản: Năm 2014 tỷ số này là 1,49, cho thấy 1 đồng tài sản đã tạo ra 1.49 đồng doanh thu, như vậy Công ty đã sử dụng tài sản hiệu quả để tạo doanh thu và lợi nhuận.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu Lợi nhuận/ Vốn, Lợi nhuận/ Tổng tài sản đều cho thấy năm 2014, Công ty đã hoạt động hiệu quả và có bước tăng trưởng cao so với năm 2013.

15. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

15.1. Hội đồng quản trị

Bảng 25: Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Số CMND
Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	53	012298607
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên HĐQT	40	012025143
Ông Vũ Văn Tứ	Thành viên HĐQT	56	011374114
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên HĐQT	40	012720026
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	45	011547617

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

15.1.1 Ông Trịnh Văn Tuấn

Họ và tên: Trịnh Văn Tuấn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Số CMTND: 012298607 Cấp ngày: 26/10/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Kỹ sư điện

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	Công ty CP thương mại và xây lắp CN Thăng Long	Chủ tịch HĐQT	Tháng 7/2005 đến nay

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I- Bộ năng lượng	Đội trưởng	7-1997 đến 5-1999
2	CTCP Xây lắp điện I	Phó phòng kế hoạch kinh doanh Xí nghiệp cơ khí và XD điện	6-1999 đến 2-2000
3	CTCP Xây lắp điện I	Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh; Phó giám đốc Xí nghiệp lắp máy và xây dựng điện	02-2000 đến 6-2002
4	CTCP Xây lắp điện I	P. kế hoạch-tổng hợp CTCP Xây lắp điện I	7-2002 đến 11-2002
5	CTCP Xây lắp điện I	Phó trưởng ban Ban chỉ huy công trình ĐZ500KV Pleiku - Đà Nẵng - Cty CPXLĐ1	12-2002 đến 10-2003
6	CTCP Xây lắp điện I	Giám đốc Xí nghiệp lắp trạm và xây dựng dân dụng-Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1	10-2003 đến 8-2005
7	Cty CPTM xây lắp công nghiệp Thăng Long	Chủ tịch HĐQT kiêm GD Cty CPTM xây lắp công nghiệp Thăng Long	9-2005 đến 9-2007
8	CTCP Xây lắp điện I	Tổng giám đốc công ty kiêm Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1	10-2007 đến 3-2010
9	CTCP Xây lắp điện I	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1	nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 6.529.388 cổ phần, chiếm tỷ lệ 32,48%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có):

TT	Tên công ty/ tổ chức	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1.	Công ty cổ phần tài chính điện lực	30.000	0,01%

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Trịnh Văn Hán	Bố đẻ	0
2	Lê Thị Thoi	Vợ	237.367
3	Trịnh Ngọc Anh	Con trai	0
4	Trịnh Khánh Linh	Con gái	0
5	Trịnh Mạnh Hùng	Em trai	0
6	Trịnh Tiến Dũng	Em trai	0
7	Trịnh Thị Hạnh	Em gái	0
8	Trịnh Văn Huyền	Em trai	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.1.2 Ông Nguyễn Minh Đệ

Họ và tên: Nguyễn Minh Đệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Số CMTND: 012025143 Cấp ngày: 16/04/1997 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Đại học

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	Công ty CP xây lắp điện 1	Chỉ huy trưởng 4/7 TBA 110KV dự án Phú Mỹ (Phòng Marketing)	Từ năm 1999-2000
2	Công ty CP xây lắp điện 1	Chỉ huy trưởng TBA 220KV Bắc Giang, Sóc sơn (Phòng Marketing).	Từ năm 2000-2001
3	Công ty CP xây lắp điện 1	Chỉ huy trưởng TBA 110Kv Đức Phổ, Thăng Bình và một số dự án khác (P.KH tổng hợp)	Từ năm 2001-2002
4	Xí nghiệp xây lắp điện và công trình công nghiệp	Trưởng phòng kỹ thuật	Từ 2003 – 2005
5	Công ty CP xây lắp điện 1	Phó phòng kỹ thuật	Tháng 10/2005
6	Công ty CP thương mại xây lắp công nghiệp Thăng Long	P. Giám đốc kiêm trưởng phòng kỹ thuật	Từ 11/2005 đến 09/2006
7	Công ty CP thương mại xây lắp công nghiệp Thăng Long	Giám đốc	Từ 10/2006 đến 07/2008
8	Công ty CP xây lắp điện 1	TP kỹ thuật công nghệ	Từ 07/2008 đến 04/2009
9	Công ty TNHH chế tạo cột thép Đông Anh - Hyundai	Tổng giám đốc	Từ 04/2009 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.076.959 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,36%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Nguyễn Văn Bối	Bố đẻ	0

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
2	Lê Thị Vân	Mẹ đẻ	0
3	Phạm Thị Mai	Vợ	0
4	Nguyễn Ngọc Linh	Con	0
5	Nguyễn Mai Hương	Con	0
6	Nguyễn Thị Thu Trang	Em gái	0
7	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Em gái	0
8	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Em gái	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.1.3 Ông Vũ Văn Tứ

Họ và tên: Vũ Văn Tứ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Số CMTND: 011374114 Cấp ngày: 06/07/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Kỹ sư điện

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I	Cán bộ kỹ thuật	9-1982 đến 5-1999
2	CTCP Xây lắp điện I	Tổng đội trưởng tổng đội xây lắp điện 2 - Công ty Xây lắp Điện 1	9-1999 đến 8-2005
3	CTCP Xây lắp điện I	Giám đốc XN xây lắp điện-CTCP Xây lắp điện I	9-2005 đến 4-2006
4	CTCP Xây lắp điện I	Phó tổng giám đốc CTCP Xây lắp điện I	5-2006 đến 9-2007
5	CTCP Xây lắp điện I	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1.	10-2007 đến 3-2010
6	CTCP Xây lắp điện I	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1	4-2010 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 253.708 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,26%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Vũ Văn Nguyên	Anh trai	0
2	Vũ Thị Nhì	Chị gái	0
3	Nguyễn Thị Phàn	Vợ	0
4	Vũ Anh Hiếu	Con	0
5	Vũ An Hòa	Con	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.1.4 Ông Võ Hồng Quang

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

Số CMTND: 012720026 Cấp ngày: 02/07/2004 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Kỹ sư điện

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I	Phó phòng Marketing CTCP Xây lắp điện I	7-2001 đến 5-2002
2	CTCP Xây lắp điện I	Trưởng Ban đại diện Miền Nam CTCP Xây lắp điện I	6-2002 đến 6-2007
3	CTCP Xây lắp điện I	Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc, kiêm Trưởng Ban đại diện Miền Nam Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1.	05-2006 đến 03 - 2008
4	CTCP Xây lắp điện I	Ủy viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Xây lắp điện I, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV XLĐ1 Miền Nam CTCP Xây lắp điện I	04-2008 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 521.079 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,59%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Võ Văn Thọ	Bố đẻ	0
2	Hà Thị Hạnh	Mẹ đẻ	0

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
3	Nguyễn Thị Dung	Vợ	74.493
4	Võ Minh Đức	Con trai	0
5	Võ Thùy Linh	Con gái	0
6	Võ Thị Thanh Huyền	Chị gái	0
7	Võ Thị Anh	Em gái	3.066

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.1.5 Bà Nguyễn Thị Hương

Họ và tên: Nguyễn Thị Hương

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch

Số CMTND: 011547617 Cấp ngày: 06/01/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Cao đẳng

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác: /

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ Vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I	Chuyên viên Phòng Kế hoạch	Năm 1996 đến 2002
2	CTCP Xây lắp điện I	Phó phòng Kế hoạch	Năm 2002 đến 2005
3	CTCP Xây lắp điện I	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch	Năm 2008 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 556.524 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,77%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Nguyễn Quang Chân	Bố đẻ	0
2	Kim Thị Hồng	Mẹ đẻ	0
3	Nguyễn Thế Dũng	Con	0
4	Nguyễn Thế Anh	Con	0
5	Nguyễn Quang Hưng	Anh trai	17.583
6	Nguyễn Thị Hường	Em gái	28.461

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.2. Ban giám đốc

Bảng 26: Danh sách thành viên ban giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Số CMND
Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	53	012298607
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	56	011374114
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	40	012720026
Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	56	011563294
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc	48	017317789
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc	40	012025143

15.2.1. Ông Trịnh Văn Tuấn: đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

15.2.2. Ông Vũ Văn Tứ: đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

15.2.3. Ông Võ Hồng Quang: đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị

15.2.4. Ông Đặng Văn Nghĩa

Họ và tên: Đặng Văn Nghĩa

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc

Số CMTND: 011563294 Cấp ngày: 13/10/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Kỹ sư điện

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I	Đội trưởng Xí nghiệp xây lắp trạm CTCP Xây lắp điện I	10-1992 đến 9-2003
2	CTCP Xây lắp điện I	Phó Giám đốc Xí nghiệp xây lắp trạm CTCP Xây lắp điện I	10-2003 đến 9-2007
3	CTCP Xây lắp điện I	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần xây lắp điện 1	10-2007 đến 9-2008
4	CTCP Xây lắp điện I	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Điện 1	10-2008 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 65.712 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,33%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Đặng Xuân Ngự	Bố đẻ	0
2	Đào Thị Ngõ	Mẹ đẻ	0
3	Lê Ngọc Dung	Vợ	0
4	Đặng Thu Thảo	Con gái	0
5	Đặng Lê Tùng	Con trai	0
6	Đặng Thị Bích Nguyệt	Em gái	0
7	Đặng Văn Tiến	Em trai	0
8	Đặng Thị Bích Dung	Em gái	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.2.5. Ông Nguyễn Nhật Tân

Họ và tên: Nguyễn Nhật Tân

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc

Số CMTND: 017317789 Cấp ngày: 27/09/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Kỹ sư điện

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ Vị trí công tác	Thời gian công tác
1	Điện lực Tuyên Quang	Cán bộ kỹ thuật Sở điện lực Tuyên Quang	06-1988 đến 08-1993
2	Điện lực Tuyên Quang	Phó phòng kinh doanh điện năng Sở điện lực Tuyên Quang	09-1993 đến 07-1994
3	Điện lực Tuyên Quang	Quyền trưởng chi nhánh điện thị xã, điện lực Tuyên Quang	08-1994 đến 04-1995
4	Điện lực Tuyên Quang	Trưởng chi nhánh điện Chiêm Hóa, điện lực Tuyên Quang	05-1995 đến 04-1997
5	Điện lực Tuyên Quang	Trưởng phòng kinh doanh điện năng, điện lực Tuyên Quang	05-1997 đến 09-1998
6	Điện lực Tuyên Quang	Phó giám đốc điện lực Tuyên Quang	10-1998 đến 06-2003

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ Vị trí công tác	Thời gian công tác
7	UBND Huyện Na Hang	Phó bí thư huyện ủy Na Hang, Tuyên Quang	07-2003 đến 12-2003
8	UBND Thị xã Tuyên Quang	Phó bí thư thường trực thị ủy Tuyên Quang	01-2004 đến 03-2004
9	UBND Thị xã Tuyên Quang	Chủ tịch UBND thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	04-2004 đến 04-2009
10	Sở KH và đầu tư tỉnh Tuyên Quang	Phó giám đốc sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Tuyên Quang	05-2009 đến 03-2010
11	Điện lực Tuyên Quang	Phó giám đốc Công ty điện lực Tuyên Quang	04-2010 đến 05-2011
12	CTCP Xây lắp điện I	Phó tổng giám đốc CTCP Xây lắp điện I	06-2011 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 578.264 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,88%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Nguyễn Quang Tựu	Bố đẻ	0
2	Nguyễn Thị Tuyết	Mẹ đẻ	0
3	Vũ Thị Bích Ngọc	Vợ	0
4	Vũ Quang Tùng	Con trai	0
5	Nguyễn Hữu Hưng	Con trai	0
6	Nguyễn Mạnh Toàn	Em trai	0
7	Nguyễn Thị Kim Tuyến	Em gái	0
8	Nguyễn Thị Minh Thu	Em gái	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.2.6. Ông Nguyễn Minh Đệ: đã được trình bày tại mục Hội đồng quản trị

15.3. Ban kiểm soát

Bảng 27: Danh sách thành viên ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Số CMND
-----------	---------	------	---------

Họ và tên	Chức vụ	Tuổi	Số CMND
Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng ban	40	012432568
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	33	001082001900
Ông Nguyễn Quang Vũ	Ủy viên	28	125225168

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

15.3.1. Bà Nguyễn Thị Hải Hà

Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Hà

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát

Số CMTND: 012432568 Cấp ngày: 11/05/2001 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	XN Vật liệu và XD Điện - Công ty xây lắp điện I	Phó phòng TCKT	Từ năm 1998-2002
2	CTCP Xây lắp điện I	Phó phòng TCKT- TP TCKT	Từ năm 2003 đến tháng 11/2006.
3	Học viện bưu chính viễn thông	chuyên viên	Từ tháng 12/2006 đến tháng 4/2008.
4	Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 1 Ba La- Cty CP xây lắp điện I	Kế toán trưởng	Từ tháng 5/2008 đến tháng 12/2010.
5	CTCP Xây lắp điện I	Trưởng Ban kiểm soát	Từ tháng 1/2011 đến nay.

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 8.906 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Nguyễn Văn Trung	Chồng	17.372
2	Bùi thị Thuần	Mẹ	0
3	Nguyễn Thị Bích Lan	Chị gái	0
4	Nguyễn Lan Phương	Chị gái	0

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
5	Nguyễn Sơn Hải	Em Trai	0
6	Nguyễn Hải Huy	Em Trai	0
7	Nguyễn Công Minh	Con trai	0
8	Nguyễn Công Chính	Con trai	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.3.2. Ông Nguyễn Anh Tuấn

Họ và tên: Nguyễn Anh Tuấn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm Soát kiêm Phó Phòng Kinh tế kế hoạch

Số CMTND: 001082001900 Cấp ngày: 21/05/2014 Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Đại học

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ Vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I	Chuyên viên Phòng Kinh tế Kế hoạch	Từ tháng 01/2010 đến tháng 03/2015
2	CTCP Xây lắp Điện I	Phó phòng kinh tế kế hoạch	Từ tháng 05/2015 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 9.309 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,05%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác: Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Nguyễn Hợp Trác	Bố đẻ	0
2	Lê Thị Thanh Hương	Vợ	0
3	Nguyễn Quang Vinh	Con trai	0
4	Nguyễn Thanh Tú	Con gái	0
5	Nguyễn Hợp Hà	Anh trai	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.3.3. Nguyễn Quang Vũ

Họ và tên: Nguyễn Quang Vũ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm Soát và Chuyên viên - Phòng Kỹ thuật

Số CMTND: 125225168

Cấp ngày: 28/08/2006

Nơi cấp: CA Bắc Ninh

Bằng cấp/ Trình độ: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ Vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I	Cán bộ kỹ thuật	07-2010 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: Không có

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Nguyễn Quang Vũ	Bố đẻ	0
2	Nguyễn Thị Huệ	Mẹ đẻ	0
3	Trần Thị Lan Phương	Vợ	0
4	Nguyễn Trần Gia Linh	Con gái	0
5	Nguyễn Thị Huế	Chị gái	0
6	Nguyễn Quang Tuấn	Em trai	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

15.4. Kế toán trưởng: Bà Trần Thị Minh Việt

Họ và tên: Trần Thị Minh Việt

Chức vụ hiện nay tại tổ chức phát hành: Kế toán trưởng

Số CMTND: 002176000002

Cấp ngày: 29/8/2013

Nơi cấp: CA Hà Nội

Bằng cấp/ Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty khác: Không có

Quá trình công tác:

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
1	CTCP Xây lắp điện I	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán – Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp Điện.	Năm 2000 đến 4/2003

TT	Tên công ty/ tổ chức	Chức vụ/ vị trí công tác	Thời gian công tác
2	CTCP Xây lắp điện I	Phó phòng Tài chính Kế toán – Xí nghiệp Dịch vụ và Xây lắp Điện.	Tháng 4/2003 đến 10/2006
3	CTCP Xây lắp điện I	Chuyên viên P.TCKT- Công ty Xây lắp Điện I Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Xây lắp Điện I	Tháng 5/2006 đến 9/2007 Tháng 10/2007 đến 3/2014
4	CTCP Xây lắp điện I	Kế toán trưởng – CTCP Xây lắp điện I	Tháng 4/2014 đến nay

Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 52.277 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,26%

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các công ty khác (nếu có): Không có

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP nắm giữ tại PCC1
1	Trần Kim Sơn	Bố đẻ	0
2	Phạm Tuyết Mai	Mẹ đẻ	0
3	Trương Xuân Cường	Chồng	0
4	Trương Việt Hoàng	Con trai	0
5	Trương Thu Hà	Con gái	0
6	Trần Anh	Anh trai	0
7	Trần Hồng Nga	Chị gái	0
8	Trần Phương Mỹ	Chị gái	0
9	Trần Như Hoa	Chị gái	0

Các khoản nợ với công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

16. Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty

Bảng 28: Danh sách tài sản công ty tại thời điểm 31/12/2014

Đơn vị: triệu VND

Tài sản	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình				
Nhà cửa vật kiến trúc	32.305	18.862	60.015	25.048

Tài sản	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Máy móc thiết bị	38.628	9.289	133.664	30.116
Phương tiện vận tải	23.150	11.739	49.454	17.796
TSCĐ dùng trong quản lý	4.151	1.800	6.793	3.021
TSCĐ khác	396	77	548	149
2. Tài sản cố định vô hình				
Quyền sử dụng đất	1.108	1.108	10.634	1.778
Phần mềm máy tính	110	43	279	43

Nguồn: BCTC công ty mẹ, hợp nhất kiểm toán CTCP Xây lắp Điện I năm 2014
Quy mô tài sản cố định của Công ty khá nhỏ, nguyên giá chỉ 100 tỷ Tài sản chủ yếu của Công ty là giá trị nhà cửa, vật kiến trúc là trụ sở làm việc của văn phòng công ty và các công ty con. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh có giá trị còn lại thấp, nhiều máy móc thiết bị thuộc công ty con là các đơn vị trực tiếp hoạt động xây lắp, sản xuất

Bảng 29: Danh sách đất đai công ty đang quản lý, sử dụng (số liệu cập nhật đến ngày 30/11/2013)

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu	Đơn vị đang quản lý, sử dụng
1	18 Lý Văn Phúc, quận Đống Đa, Hà Nội	510,00	Đất thuê	Công ty mẹ
2	471 đường Tam Trinh, phường Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	1.187,55	Đất thuê	PCC1 – Hoàng Mai
3	Mỹ Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	6.024	Đất thuê (*)	PCC1 (Dự án Mỹ Đình Plaza)
4	Phường Đại Mỗ, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	3.192,70	Đất thuê	PCC1 – Đại Mỗ; PCC1 – Miền Bắc và Tổng đội xây lắp điện 8
5	Phường Xuân Phương, quận Bắc Từ Liêm. Hà Nội	6.475,00	Đất thuê	PCC1 – Từ Liêm và CTCP hóa phẩm phụ gia Việt Nam
6	Phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	2.903,40	Đất thuê	PCC1 – Mỹ Đình
7	Xã Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	9.629,00	Đất thuê	Nhà máy Yên Thường
8	Phường Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	812,50	Đất thuê	Tổng đội xây lắp điện 5
9	Phường Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	8.814,40	Đất thuê	PCC1 Ba La và Tổng đội xây lắp điện 4
10	Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	1.202 m ² (tầng)	Sở hữu lâu dài	Công ty mẹ (Khu văn

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Hình thức sở hữu	Đơn vị đang quản lý, sử dụng
	Nội	1 và tầng 2 tòa nhà CT1) 933 m ² (tầng 1 và tầng 2 tòa nhà CT2)		phòng, dịch vụ, thương mại (Nàng Hương)
11	Phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội	1.193,50	Đất thuê nhưng chưa có hợp đồng thuê đất	PCC1 Hà Đông
12	Phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình	2.748,90	Đất thuê	Tổng đội xây lắp điện 1
13	Xã Mai Sơn, Yên Mô, Ninh Bình	29.371,60	Đất thuê	Tổng đội xây lắp điện 6

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

(*) Tính đến tháng 8/2015, diện tích này đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Mỹ Đình Plaza. PCC1 đã hoàn thành dự án, và đang quản lý 1.088 m² tầng hầm và 6.876,3 m² diện tích các tầng 1,2,3, tầng kỹ thuật 3A và 25A.

17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

17.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 30: Kế hoạch doanh thu lợi nhuận Công ty hợp nhất năm 2015-2016

Đơn vị: triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	% tăng giảm YoY	Năm 2016	% tăng giảm YoY
1	Doanh thu thuần	2.910.397	-6,12%	3.761.768	29,25%
2	Tổng chi phí (bao gồm chi phí thuế TNDN)	2.759.982	3,11%	3.477.588	26,00%
3	Lợi nhuận sau thuế	150.415	-64,47%	284.181	88,93%
4	Tỷ lệ LNST/ Doanh thu	5%	-62,16%	7,55%	46,17%
56	Tỷ lệ LNST/ Vốn chủ	12%	-74,75%	19%	53,12%
7	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	15%	-25,00%	15%	0,00%

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

(*) Ghi chú VCSH dự kiến = VCSH đầu năm – Cổ tức bằng tiền mặt + Lợi nhuận sau thuế trong năm

17.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

a) Kế hoạch sản lượng, doanh thu:

Bảng 31: Kế hoạch doanh thu Công ty hợp nhất năm 2015-2016

Đơn vị: triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	% tăng giảm YoY	Năm 2016	% tăng giảm YoY
1	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	2.682.407	13%	2.797.852	4%
2	Đầu tư bất động sản	48.021	-93%	470.000	879%
3	Thủy điện	-	-	40.951	n/a
4	Dịch vụ và kinh doanh khác	29.969	26%	32.966	10%
5	Sàng tuyển quặng sắt	100.000	n/a	320.000	220%
6	Lắp máy	50.000	n/a	100.000	100%
	Tổng doanh thu	2.910.397	-6%	3.761.768	29%

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

❖ **Đối với lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp**

PCC1 dự báo doanh thu năm 2015 dựa trên các hợp đồng công ty đã thương lượng, ký kết và dự kiến hoàn thành để ghi nhận doanh thu trong năm 2015. Sang năm 2016, Công ty dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng 4% cho mảng này căn cứ dự báo tình hình đầu tư trong ngành trên cơ sở thận trọng, để đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch. Bên cạnh đó, Công ty sẽ tiếp tục chủ động triển khai đấu thầu, tìm kiếm công trình mới để đạt kế hoạch.

❖ **Đối với lĩnh vực bất động sản**

Doanh thu năm 2015 dự kiến là doanh thu từ bán 2 biệt thự còn lại của dự án Mỹ Đình Plaza, Doanh thu năm 2016 là doanh thu ghi nhận từ dự án PCC1 Complex. Tính đến tháng 8 năm 2015, PCC1 đã ký hợp đồng bán thành công 100%, dự kiến hoàn thành dự án năm 2016 để ghi nhận doanh thu 470 tỷ đồng.

❖ **Đối với lĩnh vực dịch vụ và kinh doanh khác**

Công ty dự kiến doanh thu trên cơ sở doanh thu năm 2014 với tỷ lệ tăng trưởng 10% của các hoạt động kinh doanh đang thực hiện cộng thêm doanh thu từ cho thuê thương mại đối với diện tích bất động sản đầu tư PCC1 giữ lại khai thác của dự án Mỹ Đình Plaza.

❖ **Đối với lĩnh vực thủy điện**

Trên cơ sở tiến độ xây dựng dự kiến của dự án Thủy điện Trung Thu và Thủy điện Bảo Lâm 1, PCC1 dự kiến 2 dự án này sẽ hoàn thành và phát điện đạt 100% công suất thiết kế trong quý IV năm 2016. Để xây dựng kế hoạch kinh doanh trên nguyên tắc thận trọng, Công ty dự kiến doanh thu mảng này ở mức 70% công suất với giá điện tính toán bằng giá trung bình hiện nay.

❖ **Đối với hoạt động sàng tuyển quặng sắt và lắp máy:**

Hai hoạt động này đều nằm trong kế hoạch phát triển mới của Công ty trên cơ sở nhận định cơ hội thị trường. Công ty triển khai hoạt động sàng tuyển quặng sắt thông qua dây chuyền đã có. Đối với hoạt động lắp máy, PCC1 đã xây dựng tổng đội lắp máy mới tại CTCP Lắp máy công nghiệp Việt Nam, sẽ chuyên trách cung cấp dịch vụ lắp máy đối với máy móc thiết bị của các dự án thủy điện, với mục tiêu xây dựng thành đơn vị có đủ năng lực để thực hiện các dự án lắp máy lớn.

b) Kế hoạch chi phí, lợi nhuận

Bảng 32: Kế hoạch chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	% Doanh thu	Năm 2016	% Doanh thu
1	TỔNG CHI PHÍ (bao gồm chi phí thuế TNDN)	2.759.982	95%	3.477.588	92%
-	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	2.541.497	95%	2.602.839	93%
-	Đầu tư bất động sản	42.050	88%	375.000	80%
-	Thủy điện	-	-	60.607	148%
-	Dịch vụ và kinh doanh khác	29.425	98%	32.042	97%
-	Sàng tuyển quặng sắt	97.864	98%	309.500	97%
-	Lắp máy	49.146	98%	97.600	98%
2	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	150.415	5%	284.181	8%
-	Xây lắp và sản xuất công nghiệp	140.910	5%	195.013	7%
-	Đầu tư bất động sản	5.971	12%	95.000	20%
-	Thủy điện	-	-	-19.656	-48%
-	Dịch vụ và kinh doanh khác	544	2%	924	3%
-	Sàng tuyển quặng sắt	2.136	2%	10.500	3%
-	Lắp máy	854	2%	2.400	2%

Nguồn: CTCP Xây lắp Điện I

❖ Lĩnh vực xây lắp và sản xuất công nghiệp

PCCI ước tính chi phí cho hoạt động này dựa trên tính toán về thời gian thi công, nhân lực, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị và dự phòng rủi ro đối với những công trình dự kiến và đã ký kết. Mức chi phí dự kiến này tương đương 95% doanh thu kế hoạch, cao hơn hơn tỷ suất chi phí giá vốn/ doanh thu của Công ty năm 2014 (86%) khá nhiều, do Công ty giữ quan điểm thận trọng khi ước tính chi phí mảng này trong năm 2015. Mức chi phí dự báo cho năm 2016 được ước tính ở mức tương đương năm 2014. Công ty dự kiến không có nhiều ảnh hưởng do biến động về giá nguyên vật liệu lên lợi nhuận của mảng này

❖ Lĩnh vực bất động sản

Chi phí mảng bất động sản được ước tính khá chặt chẽ dựa trên mức đầu tư thực tế của Công ty đối với các dự án này, do đó, độ tin cậy khá cao.

❖ Lĩnh vực thủy điện

Do trong năm 2016, mới đi vào hoạt động, nhà máy phải chịu chi phí khấu hao và lãi vay lớn, do đó, hoạt động lỗ trong năm này, đây cũng là đặc điểm phổ biến đối với các dự án thủy điện nói chung, chi

phí được dự tính dựa trên: chi phí khấu hao máy móc thiết bị nhà xưởng (căn cứ mức đầu tư), chi phí lãi vay, thuế và phí môi trường và các chi phí vận hành khác.

❖ **Lĩnh vực dịch vụ kinh doanh khác, sàng tuyển quặng sắt và lắp máy**

Đây là những lĩnh vực kinh doanh có biên lợi nhuận khá thấp, và không phải lĩnh vực kinh doanh truyền thống, do đó Công ty không đặt nhiều chỉ tiêu lợi nhuận cho các mảng kinh doanh này, dự kiến lợi nhuận chỉ ở mức từ 2% - 3% doanh thu.

17.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là tổ chức tư vấn cho đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Xây lắp điện I, Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội đã thu thập và tổng hợp thông tin, đồng thời, tiến hành những nghiên cứu phân tích nhằm đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty để trên cơ sở đó, đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận Công ty đã xây dựng.

Công ty cổ phần Xây lắp điện I có truyền thống vững chắc trong ngành xây lắp điện và đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật về năng lực cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh, có đóng góp lớn cho ngành điện lực nói chung và mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông của Công ty nói riêng.

Những năm vừa qua, Công ty đã khẳng định uy tín của mình với tình hình tài chính vững mạnh, kết quả kinh doanh liên tục đạt tăng trưởng khả quan. Với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng mở rộng hiện nay, Công ty cổ phần Xây lắp điện I sẽ đứng trước những khó khăn nhất định để đảm bảo đà tăng trưởng lợi nhuận, vì vậy Công ty dành nhiều nỗ lực tìm kiếm cơ hội đầu tư mới trên cơ sở tận dụng thế mạnh truyền thống của mình và đảm bảo tính thận trọng trong triển khai từng dự án.

Kế hoạch kinh doanh năm tới của công ty được xây dựng dựa trên 4 lĩnh vực kinh doanh trọng tâm và một số kế hoạch phát triển mới:

- Doanh thu đối với lĩnh vực xây lắp điện và sản xuất công nghiệp ở mức 2.682 tỷ đồng (tăng 13%) năm 2015, đây là mức tăng trưởng có thể đạt được, căn cứ nhu cầu tăng trưởng của ngành điện nói chung và kết quả Công ty đã đạt được trong thời gian vừa qua đối với lĩnh vực xây lắp điện. Tuy nhiên, khả năng đạt tăng trưởng kế hoạch đối với lĩnh vực sản xuất công nghiệp sẽ phụ thuộc nhiều vào năng lực đấu thầu dự án ngành điện của 2 nhà máy. Doanh thu dự kiến năm 2016 đạt 2.798 tỷ đồng (tăng 4%), sẽ đòi hỏi đội ngũ công nhân viên của Công ty phải tiếp tục triển khai tích cực công tác đấu thầu, ký kết hợp đồng và tăng cường năng lực sản xuất để đảm bảo tiến độ các công trình.
- Bất động sản là mảng kinh doanh có nhiều triển vọng, có thể tận dụng bối cảnh thị trường đang dần ấm lên, việc ghi nhận doanh thu sẽ chủ yếu phụ thuộc vào khả năng quyết toán bàn giao dự án theo đúng tiến độ. Với tốc độ thi công theo đúng cam kết và tỷ lệ hợp đồng bán sản phẩm Công ty đã ký kết, có thể đánh giá lạc quan về tính khả thi của doanh thu như kế hoạch.
- Đối với lĩnh vực thủy điện, do thời gian xây dựng dự kiến chỉ kéo dài trong 2 năm và những hạng mục lớn triển khai chủ yếu vào mùa khô, hơn nữa, đây cũng là một trong những mảng đầu tư mới được triển khai của Công ty, việc đầu tư Công ty sẽ những chịu ảnh hưởng nhất định từ các yếu tố như thời tiết, tình hình tài chính, tiến độ hoàn thành lắp máy và phát điện, sẽ có thể tác động lên kế hoạch doanh thu, tuy nhiên so với quy mô doanh thu của toàn Công ty, ảnh hưởng này là không đáng kể. Kế hoạch của Công ty đối với mảng kinh doanh này là phù hợp.

- Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác: việc triển khai những hoạt động kinh doanh này trong năm tới không phụ thuộc nhiều vào yếu tố công nghệ - kỹ thuật mà chủ yếu tận dụng năng lực sẵn có của Công ty, vì vậy, doanh thu ghi nhận khi triển khai những hoạt động này phụ thuộc nhu cầu thị trường và tính cạnh tranh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.

Bên cạnh những dự báo doanh thu, kế hoạch lợi nhuận năm tới của Công ty còn dựa trên dự báo mức chi phí của từng mảng kinh doanh. Các dự báo được đánh giá là hợp lý, phù hợp với tỷ lệ chi phí/ doanh thu của Công ty trong năm 2013 và 2014.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, dựa trên các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Công ty. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với các nhà đầu tư.

18. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Dự kiến trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.

19. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất...)

PCC1 không có những cam kết chưa thực hiện liên quan đến trái phiếu chuyển đổi, hợp đồng thuê sử dụng đất, ...

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán (nếu có)

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN VÀ PHÁT HÀNH

1. **Loại cổ phiếu:** cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/ cổ phiếu
3. **Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán và phát hành:** 14.069.697 cổ phiếu

Trong đó:

- ❖ Số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 10.049.784 cổ phiếu
Giá chào bán dự kiến: 20.000 đồng/ cổ phiếu
- ❖ Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2014: 4.019.913 cổ phiếu

4. Phương pháp tính giá:

Theo giá trị sổ sách

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách cổ phiếu PCCI được tính tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

	Tại 31/12/2014	
	BCTC Công ty mẹ	BCTC Hợp nhất
Vốn chủ sở hữu theo BCTC kiểm toán (đồng)	774.354.915.445	863.831.621.517
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	20.099.568	20.099.568
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (đồng/ cổ phiếu)	38.526	42.978

Theo số liệu cập nhật, Giá trị sổ sách cổ phiếu PCCI tính đến thời điểm 30/06/2015 như sau:

	Tại 30/06/2015	
	BCTC Công ty mẹ	BCTC Hợp nhất
Vốn chủ sở hữu theo BCTC (đồng)	841.962.893.722	955.790.179.863
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	20.099.568	20.099.568
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu (đồng/ cổ phiếu)	41.890	47.553

Cổ phiếu Công ty chưa được niêm yết nên khó xác định giá trị thị trường .

Giá phát hành dự kiến là mức giá thấp hơn 48% giá trị sổ sách theo BCTC Công ty mẹ và 53% theo BCTC Hợp nhất tại ngày 31/12/2014 để tăng tính hấp dẫn, sự ưu tiên cho cổ đông hiện hữu và đạt tỷ lệ thành công cao của đợt chào bán và tính đến ảnh hưởng của việc pha loãng do phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu thưởng.

5. Phương thức phân phối:

Phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Quyền mua được phân phối trực tiếp cho cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu.

Cổ phiếu phát hành thêm được Công ty phân phối trực tiếp cho nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu hợp lệ.

6. Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Tiêu chí lựa chọn đối tượng phát hành: Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu:

Dự kiến quý III và quý IV/2015 ngay sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, theo sự ủy quyền của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị sẽ triển khai thực hiện ngay phương án phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 điều 21 của Luật chứng khoán, Công ty sẽ hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá ba mươi ngày.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

❖ Thời hạn:

Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ Đăng ký mua cổ phiếu:

Cổ đông đăng ký mua cổ phiếu tại Công ty cổ phần Xây lắp Điện I, Địa chỉ: Phòng Tổ chức nhân sự - Tầng 2A, Tòa nhà CT2, số 583 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

❖ Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: không có

❖ Phương thức thanh toán:

Cổ đông thực hiện nộp tiền mua cổ phần trực tiếp hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Công ty.

9. Chuyển giao cổ phần:

Sau khi hoàn thành việc phát hành theo đúng quy định của pháp luật, cổ đông đến trụ sở Công ty để ghi nhận số cổ phiếu mới phát hành, dự kiến sau 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

10. Quyền lợi người mua cổ phiếu:

Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

11. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

Công ty sẽ có hướng dẫn cụ thể sau khi báo cáo cơ quan có thẩm quyền, thời hạn chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

12. Phương thức thực hiện quyền

❖ Đối với cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

Tỷ lệ thực hiện quyền là 2:1 (tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền và cứ 02 quyền sẽ được mua 01 cổ phiếu mới).

Nguyên tắc làm tròn: Số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số lượng cổ phiếu được quyền mua nhỏ hơn 1 đơn vị sẽ không được thực hiện.

Ví dụ: Tại Ngày Đăng Ký đăng ký Cuối Cùng, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 09 cổ phiếu PCCI. Số lượng quyền mua cổ đông Nguyễn Văn A được hưởng là 09 quyền tương ứng số lượng cổ phiếu được mua tính theo công thức là: $9 \times 1/2 = 4,5$.

Số lượng cổ phiếu cổ đông Nguyễn Văn A được mua là 4 cổ phiếu và 0,5 cổ phiếu lẻ sẽ không được thực hiện quyền mua.

❖ Đối với cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2014

Tỷ lệ thực hiện quyền là 5:1 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tại ngày đăng ký cuối cùng được nhận 01 quyền và cứ 05 quyền sẽ được nhận 01 cổ phiếu trả cổ tức năm 2014).

Số cổ phiếu cổ đông mỗi cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 14 cổ phiếu PCCI, số cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 cho ông Nguyễn Văn A tính theo tỷ lệ phát hành là $14 \times 1/5 = 2,8$.

Sau khi làm tròn, số cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 ông Nguyễn Văn A được nhận là 2 cổ phiếu và 0,8 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

13. Phương án xử lý số cổ phiếu chưa bán hết và cổ phiếu lẻ:

Đối với số cổ phiếu chưa bán hết do cổ đông không thực hiện quyền mua, thực hiện quyền mua không hết và số cổ phiếu lẻ phát sinh (do làm tròn xuống đến hàng đơn vị số cổ phiếu mỗi cổ đông được quyền mua), Hội đồng quản trị Công ty sẽ cộng dồn và phân phối cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Số cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2014 sẽ bị hủy bỏ.

14. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Hiện nay, tỷ lệ nắm giữ cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.

Các pháp nhân và cá nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty.

15. Các loại thuế có liên quan

15.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành là 22%.

15.2. Thuế giá trị gia tăng:

Công ty áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng 10% theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng.

15.3. Thuế môn bài:

Công ty chịu mức thuế môn bài bậc 1 theo căn cứ trên mức vốn điều lệ đăng ký.

15.4. Thuế chuyển nhượng chứng khoán:

Nhà đầu tư phải nộp thuế chuyển nhượng chứng khoán dưới một trong hai hình thức:

- 20% trên thu nhập tính thuế
- 0,1% giá chuyển nhượng

16. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu: không hạn chế chuyển nhượng

17. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa

Chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

Số tài khoản: 0011004252883

Tại ngân hàng: Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để tài trợ đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Bảo Lâm 1.

2. Phương án khả thi

2.1. Mục đích dự án:

Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 sẽ phát điện trên lưới điện Quốc gia với công suất lắp máy 30 MW, điện lượng trung bình 115,7 triệu KWh/ năm. Ngoài ra, việc đầu tư xây dựng công trình của dự án sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực với cơ sở hạ tầng, dân cư, văn hóa xã hội.

2.2. Cơ sở:

a) Cơ sở pháp lý:

- Quy hoạch điện VI và Quy hoạch bậc thang thủy điện trên sông Gâm được Bộ Công Thương phê duyệt tại quyết định số 6620/QĐ-BCT ngày 19/12/2013;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 11121000149 ngày 21/08/2013, thay đổi lần thứ nhất ngày 17/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng cấp cho Công ty cổ phần Xây lắp điện I thực hiện dự án;
- Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị số 105/QĐ-PCC1-HĐQT ngày 25/07/2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bảo Lâm 1.

b) Cơ sở lý luận và thực tế

Thủy điện Bảo Lâm 1 nằm trên dòng chính sông Gâm vị trí tuyến đập tại 22^o55'05" vĩ độ Bắc và 105^o31'55" kinh độ Đông, mực nước dâng bình thường 165 m. Với điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi, Dự án thủy điện Bảo Lâm 1 với quy mô công suất 30 MW sẽ cung cấp nguồn năng lượng đáng kể cho hệ thống lưới điện quốc gia, giảm bớt gánh nặng công suất phát điện hiện thời, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về điện năng cho phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Đầu tư công trình thủy điện Bảo Lâm 1 sẽ xây dựng cơ sở hạ tầng, đường giao thông phục vụ thi công vận hành công trình, tăng khả năng giao lưu kinh tế của địa phương, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho khu vực thi công

2.3. Kế hoạch triển khai

a) Địa điểm xây dựng:

Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 dự kiến nằm tại xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng, tuyến công trình nằm sau điểm nhập lưu của sông Nho Quế và sông Gâm.

b) Diện tích đất sử dụng: 103,91 ha

c) Phương án xây dựng:

- Nhà máy thủy điện: Sau đập
- Tràn xả lũ: Có cửa van

- Thời gian thi công: từ quý III năm 2014 đến quý IV năm 2016

d) Phương án bố trí triển khai như sau:

❖ **Quý III năm 2014:**

Khởi công công trình. Đối với tuyến áp lực, trong giai đoạn này, dự án sẽ giải phóng mặt bằng lòng hồ, làm hệ thống đường thi công, đào hố móng và đổ bê tông đập tràn, đào hố móng đập dâng bờ phải, đắp đê quai dọc và đổ bê tông các tường chắn, lắp đặt cửa van 02 khoang tràn. Đối với tuyến năng lượng, đơn vị thi công đào hố móng bờ trái, đổ bê tông kênh vào – cửa lấy nước - nhà máy – kênh xả, lắp đặt khe cửa van thượng – hạ lưu

❖ **Quý IV năm 2015:**

Lắp sông Gâm. Đối với tuyến áp lực, dự án sẽ thi công đổ bê tông đập dâng bờ phải và đập tràn, lắp đặt cửa van 4 khoang tràn, đắp đê quai thượng - hạ lưu. Đồng thời, đối với tuyến năng lượng, đơn vị thi công sẽ đổ cửa bê tông lấy nước và nhà thầu sẽ tiếp hành lắp đặt thiết bị thủy lực, thiết bị tổ máy.

❖ **Quý IV năm 2016:** Phát điện 2 tổ máy

Hình 8: Phối cảnh Nhà máy thủy điện Bảo Lâm 1



Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

Tổng chiều dài đường thi công trong công trình là 1,25 km và công trình sẽ nâng cấp 0,5 km đường giao thông hiện có để nối từ tỉnh lộ vào khu vực nhà máy. Điện cấp cho công trình thông qua 05 trạm biến áp, nối với đường dây 35 KV đi qua công trình. Đá và cát được khai thác từ mỏ đá nằm trên đường tỉnh lộ 4c, cách công trình 11km, các nguyên vật liệu khác mua từ thành phố Hà Giang. Một số thiết bị phụ trợ được mua trong nước và một số thiết bị chính sẽ được nhập khẩu.

2.4. Tiến độ triển khai và các đối tác thực hiện:

Tháng 11 năm 2014, CTCP Xây lắp điện I ký kết hợp đồng xây dựng Gói thầu XD01:

- Xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình tạm với Công ty cổ phần Công nghiệp xây dựng Toàn Phát, với Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hà Tây là đơn vị cấp tín dụng cho dự án đã khởi công xây dựng dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 tại xã Lý Bôn, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.
- Gói thầu TB02 cung cấp, vận chuyển, lắp đặt, và dịch vụ kỹ thuật thiết bị cơ khí thủy công cho nhà máy do CTCP SOMECO Sông Đà là nhà thầu thi công.

Tính đến cuối tháng 2 năm 2015, dự án đã hoàn thành 95% việc đào hố móng vai trái, triển khai đổ bê tông tường chắn, hoàn thành đường bê tông, đắp đê quây.

Tổng đầu tư dự án tính tới tháng 8 năm 2015 là **168.000.000 đồng**.

Hình 9: Tiến độ xây dựng quý I năm 2015



Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

Hiện nay, dự án hoàn thành đổ bê tông tường nhà máy mặt tiếp giáp với nước đến cao độ 164,5 m.

2.5. Kế hoạch tài chính

Tổng mức đầu tư của dự án là 915,4 tỷ đồng, được tài trợ từ vốn tự có của chủ đầu và vốn vay, cụ thể như sau:

- Vốn tự có: 25% Tổng vốn đầu tư, tương đương 232,4 tỷ đồng
- Vốn vay thương mại: 75% Tổng vốn đầu tư, trong dự án này, tương đương 683 tỷ đồng, nguồn vốn vay thương mại của PCC1 được tài trợ theo Dự án phát triển năng lượng tái tạo (REDP) của Ngân hàng thế giới được giải ngân thông qua Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với lãi suất hiện nay khoảng 5%/ năm.

2.6. Dự kiến hiệu quả hoạt động

Dự án dự kiến đầu tư trong 2 năm đầu, và bắt đầu có doanh thu từ năm thứ 3, hoàn trả xong gốc và lãi vay vào năm thứ 10 kể từ khi bắt đầu triển khai dự án.

Bảng 33: Dự báo kết quả sản xuất kinh doanh của Nhà máy

Đơn vị: triệu đồng

		Năm thứ 3	Năm thứ 4	...	Năm thứ 11
1	Sản lượng (triệu Kwh)	113,96	113,96		113,96
2	Doanh thu bán điện	115.674	115.674		115.674
3	Chi phí tài chính	55.991	52.200		
4	Chi phí O&M	6.655	6.655		6.655
5	Thuế tài nguyên(4% Doanh thu)	6.878	6.878		6.878
6	Phí môi trường (20đ/ kwh)	2.279	2.279		2.279
	Thuế Thu nhập doanh nghiệp				3.709
	Dòng tiền trả gốc nợ vay	41.211	45.003		
	Dòng tiền thuộc chủ đầu tư	2.660	2.660		96.153

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

- NPV = 137,42 tỷ đồng
- IRR = 12%

2.7. Các ưu đãi đối với dự án:

- Được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm ;
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo;
- Được miễn tiền thuê đất trong thời gian 15 năm kể từ ngày xây dựng hoàn thành đưa Dự án vào hoạt động.
- Được miễn thuế hàng hóa nhập khẩu để tạo thành tài sản cố định của dự án.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để tài trợ đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Bảo Lâm 1 với dự kiến như sau:

1. Kế hoạch đầu tư

Bảng 34: Chi tiết các hạng mục đầu tư của dự án

Đơn vị: triệu đồng

TT	Hạng mục	Giá trị
1	Chi phí xây dựng	440.021
2	Chi phí thiết bị	328.776

TT	Hạng mục	Giá trị
3	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư	11.577
4	Chi phí quản lý dự án	11.115
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	37.394
6	Chi phí lãi vay và chi phí khác	69.770
7	Chi phí dự phòng	16.766
	Tổng mức đầu tư	915.418

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

2. Tiến độ sử dụng vốn

Bảng 35: Chi tiết tiến độ sử dụng vốn và nguồn vốn

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Phân vốn theo năm xây dựng		Cộng ngang
		Năm thứ nhất	Năm thứ hai	
1	Giá trị trước VAT	316.097	474.145	790.242
	- Vốn tự có (20% tổng vốn)	94.829	63.219	158.048
	- Vốn vay (80% tổng vốn)	221.268	410.926	632.194
2	Thuế VAT	30.725	46.088	76.813
3	Giá trị đầu tư gốc (3) = (1) + (2)	346.822	520.233	867.055
4	Lãi vay	9.957	38.406	48.363
5	Tổng mức đầu tư (5) = (3)+ 4)	356.779	558.639	915.418

Nguồn: CTCP Xây lắp điện I

- Nguồn vốn vay: 683 tỷ đồng
- Nguồn vốn chủ sở hữu: 232,4 tỷ đồng
 - + Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty: 31,4 tỷ đồng
 - + Nguồn vốn huy động từ đợt phát hành cổ phiếu nếu tại Điều 1: 201 tỷ đồng

Trong trường hợp thời gian phát hành kéo dài hơn dự kiến hoặc số tiền huy động thấp hơn dự kiến, Công ty sẽ sử dụng linh hoạt nguồn vốn vay ngân hàng, các nguồn vốn khác từ lợi nhuận để lại để thực hiện đầu tư.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: +84 4 3824 1990

Fax: +84 4 3825 3973

2. Tổ chức tư vấn:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI (SSI)

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 4 39366321

Fax: +84 4 39366311

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP ĐIỆN I

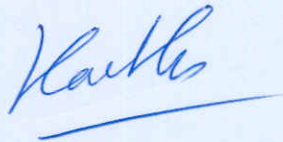
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÓNG GIÁM ĐỐC



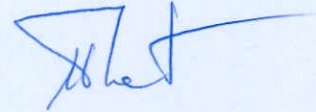
TRỊNH VĂN TUẤN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ HẢI HÀ



TRẦN THỊ MINH VIỆT

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH PHÍA BẮC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH